



BIG PLANS



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Tên tiếng Anh: **VINH HOAN CORPORATION**

Tên viết tắt: **VINH HOAN CORP.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 1400112623

Vốn điều lệ: **924.039.430.000** đồng

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0673 891 166

Số fax: 0673 891 062

Website: www.vinhhoan.com.vn

Mã cổ phiếu: **VHC**



MỤC LỤC

PHẦN

1

TIÊU ĐIỂM

PHẦN

2

THÔNG TIN TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO

FARM BILL

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phân tích SWOT

KẾ HOẠCH 2016 VÀ KẾ HOẠCH 03 NĂM

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Quá trình hình thành và phát triển

Thông tin tài chính cơ bản

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của ban điều hành

Báo cáo giám sát ban điều hành của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững

Trách nhiệm cộng đồng năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

10

14

15

16

20

24

25

28

30

36

44

48

50

72

82

86

88

94

96

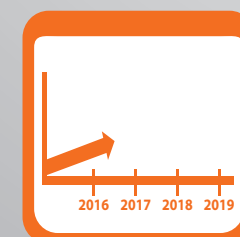
TIÊU ĐIỂM



Farm Bill



**Định hướng
phát triển**



**Kế hoạch 2016 và
kế hoạch 03 năm**



FARM BILL

Farm Bill là gì ?

Farm Bill - Những thách thức.

Farm bill - Những điểm sáng

Góc nhìn của Vĩnh Hoàn

FARM BILL LÀ GÌ?

Là một đạo luật của Mỹ kéo dài nhiều năm và thay đổi mỗi 5 năm, quy định việc sử dụng ngân sách của chính phủ Mỹ để điều hành ngành nông nghiệp và trợ cấp cho những vấn đề nhất định trong ngành. Các nhà sản xuất cá da trơn (catfish) Mỹ, để bảo vệ thị trường nội địa của mình khỏi sự cạnh tranh của cá nhập khẩu đã nhiều năm vận động để ở Farm Bill 2008 đã xuất hiện điều khoản tu chỉnh theo đó quyền giám sát chất lượng cá da trơn nên chuyển từ FDA (Food and Drug Administration thuộc Bộ Y Tế Mỹ) sang USDA (US Department of Agriculture - Bộ Nông Nghiệp Mỹ). Chương trình giám sát cá da trơn này của USDA không được thông qua trong năm 2008 nhưng đã được ban hành thành luật ở Farm Bill 2014. Thách thức của Farm Bill 2014 đối với cá da trơn là USDA chỉ phụ trách an toàn thực phẩm từ thịt, gia cầm và trứng và toàn bộ các sản phẩm thủy sản thuộc quyền quản lý của FDA. Do đó việc chuyển đổi này có thể tạo ra những yêu cầu mới về mặt quản lý chất lượng sản phẩm đối với cá da trơn.

Từ lúc Farm Bill 2014 được thông qua, đến ngày 26/11/2015, Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm (FSIS) thuộc USDA đã ra thông báo từ tháng 3/2016 sẽ chính thức triển khai quy định mới về chương trình thanh tra các loài cá thuộc họ Siluriformes (catfish và các loài cá da trơn khác bao gồm cá tra nhập khẩu từ Việt Nam). Mặc dù kể từ tháng 3/2016 (nay đã được dời sang giữa tháng 4/2016), việc giám sát các loài cá này sẽ được chuyển từ FDA sang USDA, các quốc gia và các nhà sản xuất có lộ trình chuyển đổi 18 tháng để FSIS thực hiện đầy đủ chương trình kiểm tra của họ. Trong thời gian chuyển đổi này, các quốc gia xuất khẩu cá da trơn sang Mỹ phải nộp hồ sơ để FSIS đánh giá tính tương đồng của hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các quốc gia này so với hệ thống của Mỹ. Nếu xác định tương đồng, FSIS sẽ tiến hành kiểm tra và phê duyệt từng cơ sở sản xuất có thể xuất khẩu cá da trơn sang Mỹ.

FARM BILL - NHỮNG THÁCH THỨC

Để các cổ đông và nhà đầu tư có thể dễ hình dung, chúng tôi tóm tắt các lộ trình và thách thức chính của Farm Bill đối với ngành cá tra của Việt Nam nói chung và Vĩnh Hoàn nói riêng như sau:

- Trong thời gian từ đây cho đến khi FSIS có quyết định về vấn đề tương đồng và phê duyệt cơ sở sản xuất được xuất khẩu sang Mỹ, dự kiến vào cuối năm 2017, cá tra vẫn được xuất khẩu bình thường vào thị trường này.
- Vì đây là lần đầu tiên “vô tiền khoáng hậu” USDA quản lý một sản phẩm thủy sản, việc xác định Việt Nam có tương đồng hay không sẽ khó có cơ sở rõ ràng hoặc không hợp lý khi áp dụng các tiêu chuẩn cho sản phẩm thịt sang cá. Điều này có thể gây gián đoạn cho hoạt động xuất khẩu cá tra sang Mỹ trong một thời gian nhất định.
- Nhà sản xuất cá tra ở Việt Nam sẽ phải có những thay đổi trong hoạt động nuôi trồng và sản xuất, có thể dẫn đến việc gia tăng chi phí.



FARM BILL - NHỮNG ĐIỂM SÁNG

Cá tra là ngành công nghiệp lớn của Việt Nam. Mỹ lại là thị trường nhập khẩu cá tra lớn nhất trị giá hơn 300 triệu USD, chiếm 20% trong tổng trị giá xuất khẩu năm 2015 của cả ngành. Do đó, Chính Phủ Việt Nam rất quan tâm và chuẩn bị tích cực cho các chương trình hợp tác với FSIS sắp tới. Ở mặt trận ngoại giao, con cá tra cũng được sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo cấp cao, đặc biệt là trong những đợt đàm phán thương mại song và đa phương. Cụ thể và gần đây nhất, tháng 2 vừa rồi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có chuyến làm việc với USDA, gặp gỡ cơ quan đại diện thương mại và các văn phòng nghị sĩ tại Mỹ. Theo đó USDA cam kết không gián đoạn việc xuất khẩu cá tra Việt Nam vào Mỹ và bày tỏ sự sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam về mặt kỹ thuật trong vấn đề tương đồng. Trước đó tại Hội nghị Cấp cao đặc biệt Asean-Hoa Kỳ tại Sunnyland, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã hội kiến với Tổng thống Obama nêu ra những ảnh hưởng lớn của Farm Bill đối với ngành cá tra Việt Nam và đề nghị xem xét kéo dài thời gian chuyển đổi khoảng 3-4 năm để Việt Nam có thể thời gian chuẩn bị. Tổng thống Obama bày tỏ sự nhất trí và khẳng định sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng của Mỹ phối hợp với các cơ quan của Việt Nam để có các giải pháp xử lý phù hợp.

Ngành công nghiệp cá tra của Việt Nam đã có lịch sử phát triển gần 20 năm, đã hình thành các quy định của pháp luật và cơ quan kiểm tra thanh tra chất lượng hoàn chỉnh, đáp ứng được tiêu chuẩn nhập khẩu của hơn 100 quốc gia trên thế giới. Các cơ quan quản lý nuôi trồng và chế biến thủy sản của Việt Nam cũng đã từng trải qua những đợt kiểm tra để giúp cá tra được xuất khẩu vào những khu vực thị trường có tiêu chuẩn cao mà nổi bật nhất là các thị trường Châu Âu. Hoạt động chế biến cá tra từ cách đây hơn 10 năm đã được liên tục cải tiến và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhất. Hoạt động nuôi trồng đã đạt được các tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt có uy tín trên thế giới như GlobalGap, ASC (Aquaculture Stewardship Council) và BAP (Best Aquaculture Practice). Do đó sẽ không có khoảng cách xa giữa thực trạng của Việt Nam với các yêu cầu kỹ thuật của FSIS.

GÓC NHÌN CỦA VĨNH HOÀN

Ở góc độ “thách thức có thể là cơ hội”, Farm Bill có thể trong tương lai giúp Vĩnh Hoàn gia tăng khác biệt trong cạnh tranh, giữ vững vị trí là nhà sản xuất và xuất khẩu dẫn đầu về chất lượng tại thị trường Mỹ. Farm Bill sẽ tiếp tục tạo ra rào cản cạnh tranh lớn cho các đối thủ muốn gia nhập thị trường bên cạnh mức thuế chống bán phá giá khá cao hiện đang áp dụng cho các nhà xuất khẩu cá tra từ Việt Nam.

Vĩnh Hoàn từ lâu đã được biết đến trên thị trường về năng lực cung cấp có uy tín các sản phẩm được kiểm soát tốt từ khâu nguyên liệu. Vĩnh Hoàn là đơn vị đầu tiên có chứng nhận quốc tế ASC về nuôi trồng cá tra vào năm 2012 và là đơn vị đầu tiên đạt tiêu chuẩn BAP 4 sao cho cá tra của Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu - GAA vào năm 2015. Với bề dày kinh nghiệm về quản lý chuỗi nuôi trồng, chế biến cùng các tiêu chuẩn chất lượng đã được quốc tế công nhận, Vĩnh Hoàn sẽ có lợi thế hơn các đơn vị khác trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn tương đương của FSIS.

Song song với việc tích cực phối hợp với các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong quy trình tương đồng sắp tới và các chiến lược bán hàng hợp lý ở thị trường Mỹ, trong các năm qua, Vĩnh Hoàn không ngừng thâm nhập và mở rộng thị phần ở các thị trường tiềm năng. Trong năm 2015, Vĩnh Hoàn ghi nhận mức tăng trưởng doanh số ngoạn mục tại một số thị trường tiềm năng như Trung Quốc, Nhật Bản, một số nước Nam Mỹ như Mexico, Chile và thâm nhập thành công các thị trường mới như Philippines, Đài Loan, Romania.

Cùng với việc mở rộng thị trường, gia tăng thị phần, Vĩnh Hoàn cũng tập trung phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng nhằm đạt được tỷ suất lợi nhuận cao hơn (sản phẩm giá trị gia tăng có tỷ suất lợi nhuận cao hơn từ 10% -15% so với sản phẩm fillet đông lạnh thông thường) và tạo sự khác biệt so với các đối thủ cùng ngành. VHC đặt mục tiêu tăng tỷ trọng đóng góp vào doanh thu của các sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra từ mức 2-3% hiện tại đến mức 5% trong vòng 5 năm tới. Sản phẩm collagen và gelatin chiết xuất từ da cá tra, bắt đầu hoạt động từ quý 01/2015, cũng đang ghi nhận các phản hồi tích cực từ thị trường, và dự kiến đem lại doanh thu từ 6-8 triệu USD trong năm 2016.

Để đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm, Vĩnh Hoàn không ngừng củng cố năng lực sản xuất và bán hàng của mình. Bên cạnh việc gia tăng năng lực sản xuất hiện hữu, mua bán sáp nhập nhằm mở rộng danh mục sản phẩm và phân phối ở thị trường xuất khẩu cũng đang được ban lãnh đạo công ty cân nhắc. Song song đó, việc xây dựng và tăng cường đội ngũ quản lý cũng như đội ngũ bán hàng và “marketing” tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Phân tích SWOT

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các quý vị cổ đông,

Tôi hi vọng rằng bài viết mở đầu của quyển báo cáo này đã cung cấp đầy đủ thông tin về Farm Bill ở thị trường Mỹ, là mối quan tâm hàng đầu hiện nay của quý cổ đông. Trong hành trình phát triển một thị trường lớn như thị trường Mỹ, chúng ta đã đối mặt và vượt qua nhiều trở ngại. Đầu tiên là việc FDA cấm gọi tên cá tra là catfish vào năm 2002. Sau đó là vụ kiện chống bán phá giá kéo dài từ năm 2003 đến nay. Thị trường Mỹ dù vậy vẫn liên tục phát triển trong 15 năm qua, trở thành thị trường lớn nhất của con cá tra Việt Nam. Mặc dù vậy và mặc dù Farm Bill đã được dự đoán và chuẩn bị từ nhiều năm trước, chúng tôi cũng không quá chủ quan mà đang và sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để vượt qua thách thức này. Chúng tôi sẽ cập nhật đến quý cổ đông những thông tin mới nhất liên quan đến Farm Bill trong thời gian sắp tới trên cơ sở minh bạch và chi tiết nhất có thể.

Năm 2015 ban điều hành cùng tập thể Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh mà các cổ đông đề ra. Kết quả này còn mang tích cực hơn các năm khác bởi lẽ năm 2015 là năm sụt giảm đáng kể của ngành thủy sản Việt Nam nói chung và ngành cá tra nói riêng. Toàn ngành thủy sản Việt Nam đạt trị giá xuất khẩu 6,6 tỷ USD, giảm 16,1% so với năm 2014, trong đó cá tra đạt 1,58 tỷ USD, giảm 11% so với năm ngoái. Trong bối cảnh đó Vĩnh Hoàn vẫn tiếp tục tăng trưởng 3% về doanh thu và 12% lợi nhuận. Tôi tin rằng kết quả này một lần nữa đã đáp ứng đầy đủ kỳ vọng của các cổ đông.

Năm 2016 chúng ta có nhiều kế hoạch lớn cần tập trung thực hiện để đảm bảo rằng Công ty sẽ vượt qua các thách thức trong tương lai, tiếp tục tăng trưởng tốt trong nhiều năm tiếp theo. Các kế hoạch lớn này bao gồm:

- Chuẩn bị và phối hợp với các bên trong giai đoạn chuyển tiếp của Farm Bill, nhằm hướng đến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu mới của Bộ Nông Nghiệp Mỹ đề ra;
- Tăng cường lực lượng bán hàng và marketing, thực hiện chiến lược phát triển các thị trường mới và các sản phẩm giá trị gia tăng;
- Thực hiện chiến lược marketing, khẳng định và phát triển các giá trị của thương hiệu Vĩnh Hoàn;
- Kiện toàn bộ máy quản lý, hoàn thiện nguồn nhân lực để tăng tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban điều hành Công ty hiểu rằng phải có sự thay đổi để biến thách thức thành cơ hội. Thay đổi cần phải nhanh và nhất quán. Chúng tôi cam kết sẽ tập trung vào các thay đổi tích cực trong năm nay và cả những năm sau để vượt qua các rào cản như chúng tôi đã từng vượt qua trong quá khứ.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị của Công ty, tôi mong nhận được sự ủng hộ và các ý kiến quý báu của quý vị cổ đông để toàn thể ban lãnh đạo và công nhân viên của Vĩnh Hoàn có thể hoàn thành các kế hoạch quan trọng và ngày càng mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông.

Trân trọng,
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Trương Thị Lệ Khanh

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

S

- Lợi thế về thuế suất và danh tiếng ở thị trường Mỹ, thị trường lớn dẫn đầu của toàn ngành và tăng trưởng tốt;
- Có uy tín về chất lượng sản phẩm và hệ thống quản lý chất lượng, nuôi trồng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là ở thị trường Châu Âu;
- Hệ thống nuôi trồng, chế biến thành phẩm và phụ phẩm khép kín, giúp chủ động về nguồn nguyên liệu và tối ưu hóa lợi nhuận của các phân khúc giá trị khác nhau;
- Đội ngũ quản lý giỏi, gắn bó lâu năm, có kinh nghiệm và đa văn hóa, ngôn ngữ;
- Có sự hiểu biết và kết nối rộng ở các thị trường nước ngoài khác nhau giúp tạo điều kiện và nguồn thông tin cho các hoạt động cải tiến và sáng tạo, các kế hoạch phát triển kinh doanh;
- Tình hình tài chính lành mạnh, không có gánh nặng lãi vay.

ĐIỂM YẾU

W

- Chưa sẵn sàng để cung cấp các sản phẩm với chất lượng thấp hơn để cạnh tranh về giá ở những thị trường lớn thuộc phân khúc thấp;
- Chưa phát triển mạnh thương hiệu riêng;
- Không có thừa năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu tăng bán hàng cấp thời;
- Chưa có kinh nghiệm ở những lĩnh vực kinh doanh mới;
- Nhân sự khá thiếu so với yêu cầu phát triển của Công ty, đặc biệt là ở các dự án mới.

CƠ HỘI

O

- Thị trường còn nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là ở mảng bán lẻ và sản phẩm có các giá trị gia tăng;
- Ngành nuôi trồng thủy sản trên thế giới ngày càng phát triển và thay thế cho các sản phẩm đánh bắt, tạo cơ hội phát triển cho sản phẩm chính và cả những sản phẩm phụ phục vụ cho nuôi trồng;
- Ngành thủy sản dần có sự sắp xếp lại, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp có cải tiến và chiến lược kinh doanh đúng đắn tiếp tục tồn tại và lớn mạnh;
- Nhận thức của người tiêu dùng ngày càng cao về an toàn thực phẩm, nguồn gốc sản phẩm và các yếu tố bền vững;
- Cá tra vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh về giá so với các sản phẩm cá thịt trắng khác, chưa có sản phẩm thay thế một cách trực tiếp và đáng kể.

THÁCH THỨC

T

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng;
- Lực lượng lao động trực tiếp có thể bị cạnh tranh với các ngành công nghiệp khác;
- Các vấn đề về môi trường và khí hậu;
- Các rào cản về thương mại và kỹ thuật ở các nước nhập khẩu;
- Hình ảnh và chất lượng cá tra trên thị trường quốc tế vẫn còn bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các chiến dịch truyền thông của đối thủ.

ĐỊNH HƯỚNG CHO
VÙNG
ĐIỂM MẠNH & CƠ HỘI



Vinh Hoàn đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng về doanh thu và quy mô trong 3 năm sắp tới, ngày càng củng cố danh tiếng và thị phần ở thị trường Mỹ và Châu Âu, song song với việc tiếp tục đa dạng hóa thị trường để tăng tính hiệu quả trong sản xuất và tránh những rủi ro liên quan đến Farm Bill tại Mỹ. Công ty sẽ có những bước đi vững chắc vừa mở rộng vùng tiêu thụ cá tra ở các thị trường chủ đạo vừa tăng sức định giá của sản phẩm thông qua các chương trình tiếp thị và tăng cường lực lượng bán hàng giỏi. Vinh Hoàn cũng sẽ tìm kiếm các cơ hội tạo doanh thu và lợi nhuận ở những loài thủy sản khác. Collagen và gelatin cũng sẽ là mảng Công ty tập trung thực hiện đúng kế hoạch đề ra của dự án để làm tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo. Bên cạnh việc gia tăng doanh số và sức định giá của sản phẩm, Công ty cũng chú trọng và tiếp tục các chiến lược tăng tính cạnh tranh về chi phí sản xuất, giúp cải thiện lợi nhuận và biên lợi nhuận qua các năm.

ĐỊNH HƯỚNG CHO
VÙNG
ĐIỂM YẾU & CƠ HỘI



Song song với việc đẩy mạnh vị trí ở các thị trường truyền thống, Vinh Hoàn đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội và mở ra các thị trường mới để tăng tính đa dạng và tạo sự linh hoạt trong việc dịch chuyển cơ cấu thị trường qua các năm. Công ty sẽ tập trung vào việc tác động cải thiện hình ảnh cá tra trên thế giới một cách trực tiếp và gián tiếp. Vinh Hoàn sẽ tiếp tục tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng, tạo sự khác biệt ngày càng rõ rệt để tăng tính cạnh tranh trong ngành. Công ty cũng sẽ đầu tư vào hàm lượng công nghệ trong kinh doanh và nghiên cứu phát triển trong sản xuất và nuôi trồng.

ĐỊNH HƯỚNG CHO
VÙNG
ĐIỂM MẠNH & THÁCH THỨC



Công ty chú trọng đầu tư cho các vấn đề liên quan đến người lao động và môi trường cho một tương lai kinh doanh bền vững, chủ động trong ứng phó các rủi ro và hoạch định dài hạn về mọi mặt. Song song với việc đẩy mạnh vị thế ở các thị trường truyền thống, Vinh Hoàn đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội và mở ra các thị trường mới để tăng tính đa dạng và tạo sự linh hoạt trong việc dịch chuyển cơ cấu thị trường qua các năm. Vinh Hoàn luôn luôn có chiến lược trung và dài hạn để vượt qua các rào cản thương mại, tiếp tục duy trì vị thế ở các thị trường lớn.

ĐỊNH HƯỚNG CHO
VÙNG
ĐIỂM YẾU & THÁCH THỨC



Về dài hạn, Công ty không chủ quan về những rủi ro của môi trường kinh doanh mà luôn chủ động chuẩn bị và có kế hoạch. Công ty luôn nhất quán về tính tuân thủ pháp luật trong nước và nước ngoài, đặc biệt là không vì lợi nhuận mà làm ảnh hưởng đến môi trường và uy tín của Công ty. Vinh Hoàn cạnh tranh lành mạnh và vì tương lai lâu dài, chú trọng ở giá trị và tính bền vững.



KẾ HOẠCH 2016 VÀ KẾ HOẠCH 03 NĂM

Với định hướng chiến lược như trên, trong vòng 3 năm tới, Công ty đặt các kế hoạch và mục tiêu lớn như sau:

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận 15% - 20% mỗi năm, đạt doanh thu hơn 10.000 tỷ đồng vào năm 2018. Ngoài việc mở rộng quy mô của sản phẩm cá tra, đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận chung của Công ty sẽ là các sản phẩm trong chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh bao gồm cá chẽm, cá tialapia, tôm, các sản phẩm giá trị gia tăng, collagen và gelatin;
- Tăng biên lợi nhuận của toàn Công ty thông qua:
 - ▶ Thực hiện các chiến lược “marketing” và “branding” để tăng giá bán và tăng năng lực định giá;
 - ▶ Gia tăng doanh số các sản phẩm giá trị gia tăng, vốn có biên lợi nhuận cao hơn 10 - 15 điểm % so với hàng fillet thông thường, với mục tiêu đóng góp 5% vào tổng doanh thu của Công ty trong vòng 3 năm tới;
 - ▶ Ngày càng phát triển doanh số của mảng collagen đạt mức biên lợi nhuận gộp 30%.
- Công ty đặt mục tiêu tổng lợi nhuận sau thuế của cả tập đoàn đạt không dưới 500 tỷ đồng vào năm 2018;
- Định vị Vĩnh Hoàn là một Công ty mang tính toàn cầu với năng lực cốt lõi là nuôi trồng thủy sản bền vững và cung cấp các sản phẩm thực phẩm an toàn và dinh dưỡng. Đây sẽ là bước nâng tầm vóc của Vĩnh Hoàn trong 3-5 năm tới, giúp Công ty ngày càng lớn mạnh và phát triển vững chắc;
- Năm 2016 Công ty đặt kế hoạch cụ thể như sau:
 - ▶ Doanh thu hợp nhất tăng trưởng 18%, đạt gần 7.700 tỷ;
 - ▶ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ đạt 350 tỷ đồng.
- Năm 2016 là một cột mốc quan trọng để Vĩnh Hoàn thực hiện 3 mục tiêu trọng tâm như sau: (i) tiếp tục đa dạng hóa thị trường, phát triển thị trường mới, giúp gia tăng doanh thu đồng thời làm tiền đề để gia tăng biên lợi nhuận và lợi nhuận của Công ty trong vòng 3-5 năm tới, (ii) thực hiện doanh số đạt khoảng 6 triệu USD cho dự án collagen, tiến tới mức doanh số 15 triệu USD trong các năm tiếp theo, (iii) đạt doanh số các sản phẩm giá trị gia tăng tối thiểu 8 triệu USD, phát triển lên mức 20 triệu USD trong 3 năm tiếp theo.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO



GIỚI THIỆU CÔNG TY



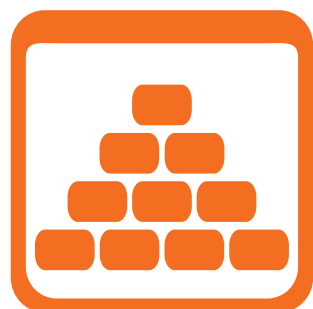
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT NĂM 2015



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Quá trình hình thành và phát triển

Thông tin tài chính cơ bản

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý

TẦM NHÌN

Là thương hiệu cá tra hàng đầu thế giới,
tiên phong trong đổi mới và phát triển.



SỨ MỆNH

Xây dựng và bảo vệ thương hiệu cá tra của Việt Nam;
Cung cấp nguồn dinh dưỡng tốt nhất cho sức khỏe của người tiêu dùng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MANG TÍNH BỀN VỮNG

- Tôn trọng cam kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tuân thủ pháp luật;
- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, sản xuất có trách nhiệm với môi trường và xã hội;
- Cung cấp nguồn thực phẩm an toàn, đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc cho người tiêu dùng;
- Mang lại giá trị kinh tế cho đời sống địa phương thông qua những đóng góp từ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mang lại doanh thu và lợi nhuận cho khách hàng, nhà cung cấp đồng thời thỏa mãn kỳ vọng của cổ đông Công ty;
- Đảm bảo cho người lao động có được việc làm ổn định và đời sống kinh tế ngày càng được cải thiện.

NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG ĐỂ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

- Nỗ lực không ngừng để tạo sự khác biệt và mang tính tiên phong trong đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm;
- Nuôi dưỡng và phát huy tinh thần cầu tiến, phát triển năng lực của mỗi cá nhân;
- Thẳng thắn, khách quan, minh bạch và cầu thị trong mọi mối quan hệ;
- Tìm ra giải pháp tốt nhất cho mọi vấn đề với sự cân nhắc về lợi ích của các bên có liên quan;
- Hướng đến và đạt được những bước hoàn thiện lớn thông qua những cải thiện nhỏ và liên tục.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Vinh Hoàn ngày nay là doanh nghiệp dẫn đầu trong sản xuất thủy sản chất lượng cao và là một trong những công ty xuất khẩu thủy sản lớn nhất Việt Nam. Được thành lập năm 1997 tại Tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long, Công ty chuyên về nuôi và chế biến các sản phẩm cá tra đông lạnh. Khi lựa chọn Vinh Hoàn, khách hàng luôn được thỏa mãn với chất lượng sản phẩm ổn định, dịch vụ khách hàng hoàn hảo, sự đảm bảo về hệ thống chứng nhận quốc tế và khả năng truy xuất nguồn gốc.

1997

Bà Trương Thị Lệ Khanh sáng lập Công ty TNHH Vinh Hoàn.

1999

Xí nghiệp chế biến thủy sản đầu tiên tại Thị xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp đi vào hoạt động.

2000

Được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (DL.147).

2005

Đạt chứng chỉ chất lượng ISO 9001:2000; ISO 14001:2004; BRC: 2005 và IFS version 4.

2007

Thành lập Công ty Vinh Hoàn (USA) Inc. tại California, Mỹ;

Thành lập Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1;

Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ hai (DL.061) đi vào hoạt động;

Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE).

2008

Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ ba (DL.500) đi vào hoạt động.

2009

Nhận chứng chỉ AquaGap về nuôi cá tra;

Phòng kiểm nghiệm của Công ty đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005.

2010

Đứng đầu ngành xuất khẩu cá tra của Việt Nam theo thống kê của Hiệp Hội Chế Biến và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam (“VASEP”);

Nhận chứng chỉ GlobalGap về nuôi cá tra;

Nhận chứng chỉ ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng.

2011

Nhận Huân Chương Lao Động hạng III cho tập thể Công ty Cổ phần Vinh Hoàn và bà Trương Thị Lệ Khanh, Tổng Giám Đốc theo Quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/1/2011 của Chủ tịch Nước;

Nhận giải thưởng Best Retail Product trong cuộc thi Seafood Prix d’Elite 2011 tại hội chợ European Seafood Exhibition ở Brussel, Bỉ;

Nhận chứng BAP (Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi.



2012

Nhận Huân Chương Lao Động hạng II cho tập thể Công ty Cổ phần Vinh Hoàn theo Quyết định số 1261/QĐ-CTN ngày 21/8/2012 của Chủ tịch Nước;

Vinh Hoàn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên nhận chứng nhận nuôi bền vững ASC (Aquaculture Stewardship Council) cho trại nuôi cá tra.

2013

Nhận chứng chỉ GlogalGap cho vùng nuôi cá chẽm;

Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất Collagen và Gelatin với công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm.

2014

Vinh Hoàn là công ty thủy sản duy nhất lọt vào danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do tạp chí Forbes bình chọn (*Forbes Vietnam số tháng 06.2014*);

Là một trong 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Tạp Chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn;

Thoái vốn khỏi mảng kinh doanh thức ăn viên thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công Ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 và mua lại 99,06% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

2015

Thành lập Công ty Octogone Holdings Pte. Ltd. tại Singapore và Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd. tại Trung Quốc;

Trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long tại Trà Vinh;

Nhà máy Collagen và Gelatin đi vào hoạt động vào tháng 3/2015 và nhanh chóng đạt các chứng nhận ISO 9001, ISO 14001, GMP-WHO và HALAH;

Vinh Hoàn là doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận BAP – Best Aquaculture Practice với cấp độ “4 sao” sao cho trại giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến cá tra;

Được công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan theo Quyết định số 2669/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 9 năm 2015 do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký;

Vinh Hoàn tiếp tục nằm trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do tạp chí Forbes bình chọn (*Forbes Vietnam số tháng 06.2015*);

Tiếp tục là một trong 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Tạp Chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Hợp nhất, đã kiểm toán)

Ghi chú: kết quả kinh doanh năm 2014 có bao gồm lợi nhuận có được từ việc bán Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1. Khoản lợi nhuận này là 151 tỷ đồng sau thuế. Xem bài phân tích tình hình tài chính trong bản báo cáo này để có thêm thông tin.

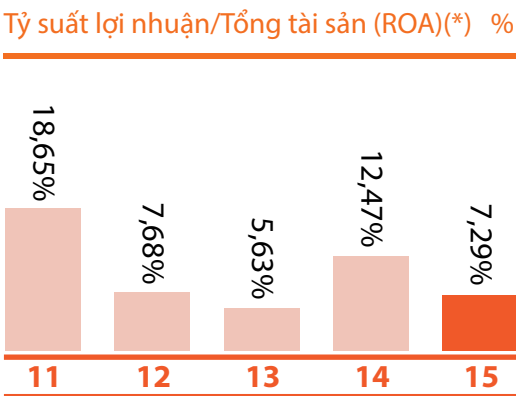
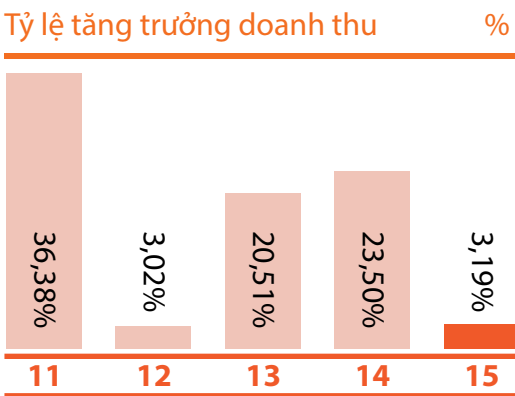
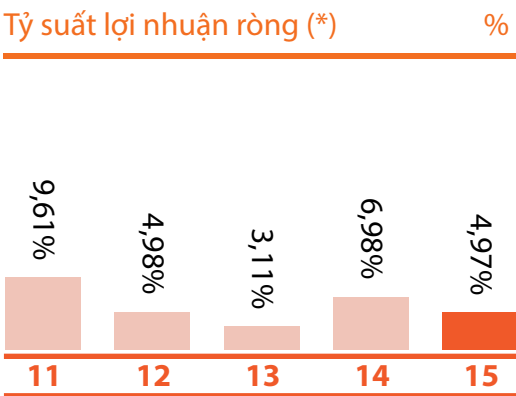
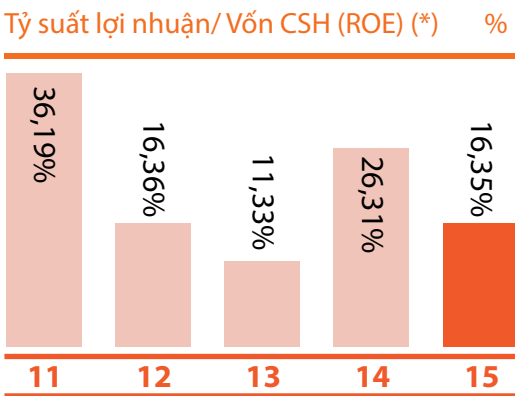
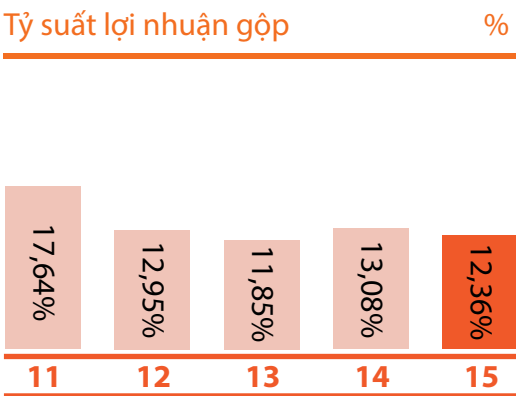
(Đơn vị tính: triệu VNĐ)					
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2015	2014	2013	2012	2011
Tổng Doanh thu	6.527.521	6.300.115	5.104.982	4.236.484	4.114.060
Doanh thu thuần	6.493.390	6.292.449	5.095.012	4.227.932	4.103.978
Giá vốn hàng bán	5.690.816	5.469.173	4.491.391	3.680.318	3.379.844
Lợi nhuận gộp	802.575	823.275	603.621	547.614	724.134
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	370.120	406.786	383.810	304.617	232.475
Doanh thu hoạt động tài chính	166.250	238.198	93.376	86.205	100.707
Chi phí tài chính	210.038	64.704	90.567	66.971	112.363
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	388.667	589.984	222.620	262.231	480.003
Lợi nhuận khác	(1.999)	(2.921)	4.926	7.406	92
Thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT)	423.510	625.501	305.103	329.667	550.527
Thu nhập trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA)	567.872	746.332	415.927	419.899	633.931
Lợi nhuận trước thuế	386.668	587.062	227.547	269.636	480.094
Lợi nhuận sau thuế	320.833	462.913	176.038	232.743	412.974
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	322.558	439.152	158.386	210.450	394.343
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	92.403.943	91.371.686	61.404.913	46.312.523	47.008.246
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	3.491	4.806	2.579	4.544	8.389

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2015	2014	2013	2012	2011
Tài sản ngắn hạn	2.847.044	3.118.826	1.660.675	2.281.973	1.758.324
Tài sản dài hạn	1.509.919	1.373.139	888.941	791.585	649.295
Tổng tài sản	4.356.963	4.491.964	2.549.617	3.073.558	2.407.619
Nợ ngắn hạn	1.818.697	2.533.902	901.955	1.668.512	1.039.047
Nợ dài hạn	448.937	71.304	91.380	0	61.758
Tổng nợ phải trả	2.267.664	2.605.206	993.335	1.668.512	1.100.805
Vốn chủ sở hữu	2.076.958	1.869.914	1.467.894	1.328.997	1.243.041
Lợi ích cổ đông thiểu số	12.372	16.844	88.389	76.049	63.773
Tổng cộng nguồn vốn	4.356.993	4.491.964	2.549.617	3.073.558	2.407.619
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,09	1,39	0,68	1,26	0,89

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	2015	2014	2013	2012	2011
Lợi nhuận trước thuế	386.668	587.062	227.547	269.636	480.094
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	537.962	535.937	335.274	388.117	648.928
Thay đổi vốn lưu động trong kỳ	(392.429)	(472.350)	(273.610)	(208.287)	(570.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	145.534	63.587	61.664	179.830	78.535
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	480.471	(1.097.413)	639.001	(933.693)	(51.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(419.466)	1.049.374	(663.097)	459.980	177.436
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	206.539	15.548	37.569	(293.883)	204.898
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	296.093	89.238	73.329	35.542	329.425

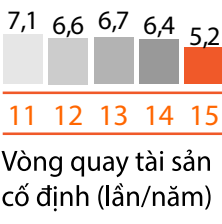
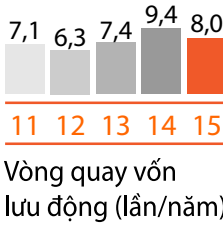
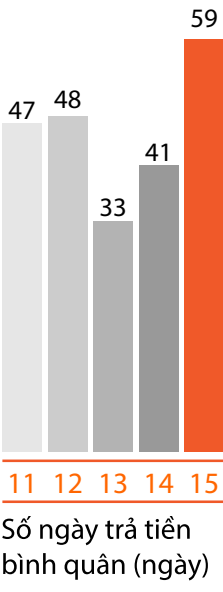
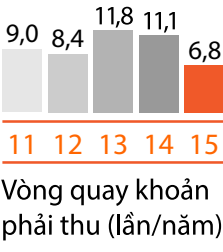
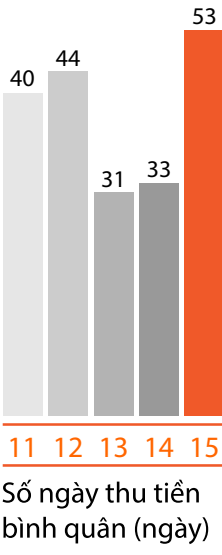
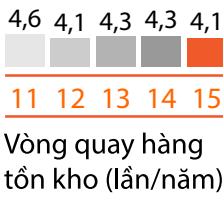
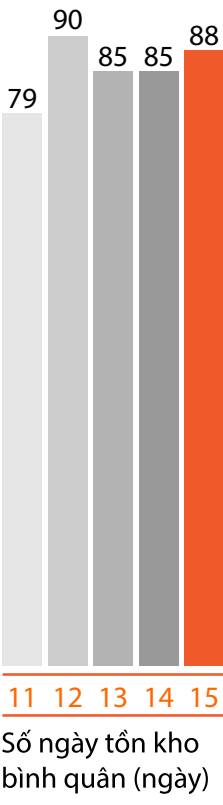
Các chỉ số tài chính cơ bản

Khả năng sinh lời



* Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ

Hiệu quả sử dụng vốn



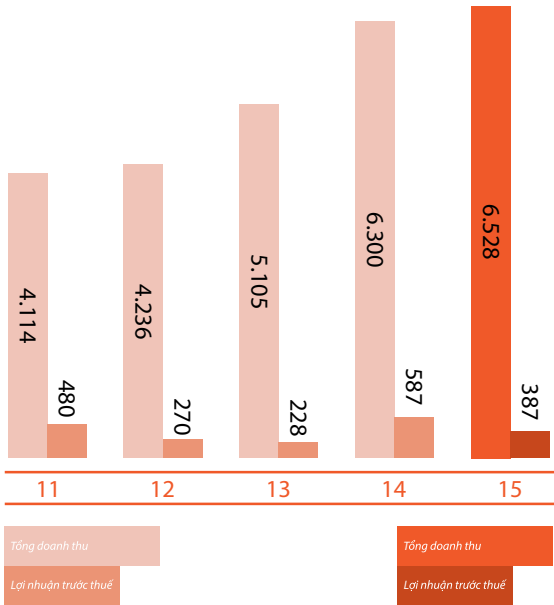


Khả năng thanh toán

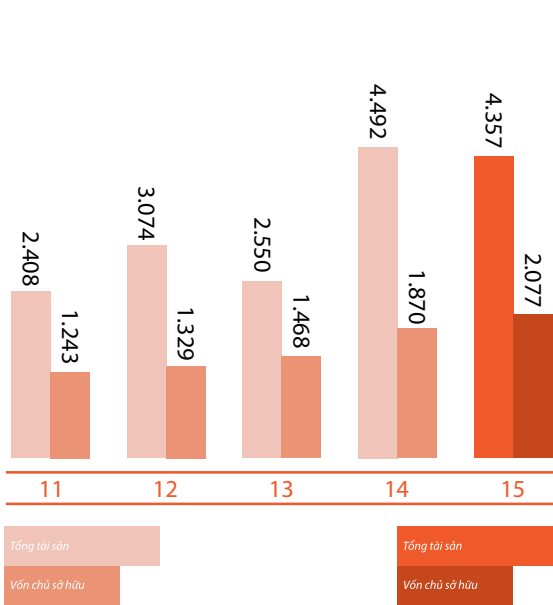
ĐVT: Lần



Tổng doanh thu & lợi nhuận trước thuế



Tổng tài sản và chủ sở hữu
ĐVT tỷ đồng



NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH TRONG NĂM 2015



Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;

Nuôi trồng thủy sản nội địa;
Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;

Mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;

Mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo;

Mua bán, xuất nhập khẩu gạo;
Chiết xuất và sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân;
Xuất nhập khẩu Gelatin, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm; nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng;

Sản xuất bột cá; sản xuất dầu mỡ, động thực vật.

DANH MỤC SẢN PHẨM



Một số yếu tố dẫn đến câu chuyện thành công của con cá tra trên thị trường thế giới:

Là con cá bản địa của dòng sông Mekong trù phú với trữ lượng lớn;

Có thể nuôi và thu hoạch quanh năm;

Kỹ thuật nuôi không hao tốn nhiều năng lượng và lao động;

Ăn thức ăn với hàm lượng bột cá thấp, giúp tiết giảm chi phí và thân thiện với môi trường;

Là con cá có kháng thể tốt, không dễ bị lây nhiễm virus có thể gây ra dịch bệnh tràn lan như các loài thủy sản nuôi khác;

Thời gian nuôi ngắn;

Tỷ lệ thu hồi fillet cao;

Là nguồn “protein” tốt cho sức khỏe và thân thiện với môi trường;

Giá cả phải chăng, phù hợp với túi tiền của nhiều người.

Xếp thứ 6 ở Mỹ & thứ 9 ở Châu Âu
Top 10 loài thủy sản được tiêu thụ nhiều nhất.

CÁC NHÓM SẢN PHẨM CHÍNH

A white rectangular plate featuring a large, perfectly grilled fish fillet with distinct char marks. It is garnished with a fresh salad of green leafy vegetables, purple shreds, and yellow cherry tomatoes. A small white bowl of fruit salad, including mango and red bell peppers, sits in the foreground.

THỦY SẢN ĐÔNG LẠNH

- Cá tra fillet
- Cá chẽm fillet
- Cá tilapia fillet
- Tôm

not just an
option

A white bowl filled with a vibrant salad. It includes pieces of cooked fish, white mushrooms, green leafy vegetables, purple cabbage, and sliced cherry tomatoes.

**CÁC SẢN PHẨM GIÁ TRỊ
GIA TĂNG**

- Cá tẩm bột
- Cá tẩm gia vị
- Cá cuộn rau củ
- Cá “char marked”

taste **local**

A white round plate with several pieces of white fish balls, each topped with a bright red shrimp. A small garnish of green herbs and a slice of lemon is at the bottom.

PHỤ PHẨM

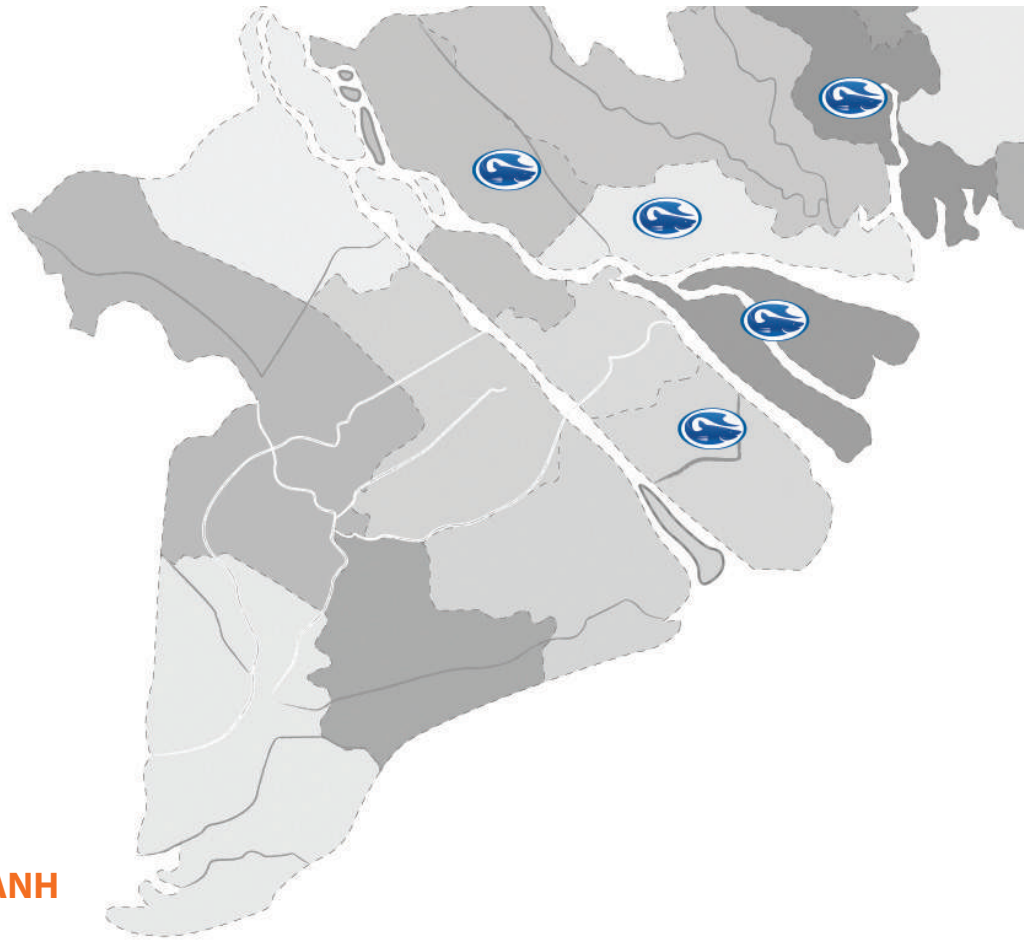
- Bột cá
- Mỡ cá
- Vây cá

It’s all good

A person in a red tank top and black leggings is running on a paved path in a park. The scene is bathed in warm, golden light, suggesting sunrise or sunset, with trees in the background.

COLLAGEN & GELATIN

Freshwater collagen
Right from the Source



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Năm 2015 Công ty chủ yếu mở rộng địa bàn kinh doanh theo hướng đặt công ty con ở nước ngoài để phát triển bán hàng sang một số thị trường mới và lớn.

Trong nước:

Trụ sở chính tại Thành phố Cao Lãnh – Tỉnh Đồng Tháp với 3 nhà máy sản xuất cá tra;
 Nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá tại Huyện Thanh Bình – Tỉnh Đồng Tháp;
 Công ty con, Vạn Đức Tiền Giang với nhà máy sản xuất cá tra và nhà máy bột mỡ cá tại Huyện Châu Thành – Tỉnh Tiền Giang;
 Công ty con, Vĩnh Hoàn Collagen tại Thành phố Cao Lãnh – Tỉnh Đồng Tháp vừa hoàn thành xây dựng, đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất Collagen và Gelatin với công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm;
 Công ty con, Vĩnh Hoàn Food 2 với nhà máy sản xuất gạo tại Huyện Lấp Vò – Tỉnh Đồng Tháp;
 Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách bán hàng và quan hệ nhà đầu tư;
 Vào cuối năm 2015, Vĩnh Hoàn trở thành nhà đầu tư chiến lược của Công ty Cổ phần Thủy Sản Cửu Long tại Thành phố Trà Vinh – Tỉnh Trà Vinh chuyên sản xuất kinh doanh mặt hàng tôm;
 Các vùng nuôi cá tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, Tiền Giang và Bến Tre.

Nước ngoài:

Vĩnh Hoàn là nhà đầu tư chiến lược của Công ty Vĩnh Hoan (USA) Inc. tại Bang California – Hoa Kỳ với hoạt động dịch vụ khách hàng và giao nhận tại thị trường Hoa Kỳ;

Công ty con, Octogone Holdings Pte. Ltd. tại Singapore với hoạt động chính là mở rộng bán hàng sang khu vực Châu Á, đầu tiên là đội ngũ và hoạt động bán hàng tại Tỉnh Quảng Châu, Trung Quốc



Sản phẩm của Vĩnh Hoàn hiện có mặt trên **30 quốc gia**. **Châu Âu** và **Mỹ** là hai thị trường chính chiếm khoảng 80% trên tổng giá trị xuất khẩu của Công ty. Vĩnh Hoàn duy trì sự tăng trưởng ở những thị trường thế mạnh như **UK, Hà Lan** và **Bỉ**, giúp gia tăng thị phần Châu Âu của Vĩnh Hoàn trên toàn ngành từ **12%** lên **15%**. Ngoài ra còn có thị trường **Australia (5%), Canada (5%), Hong Kong (4%), Trung Quốc (3%), Asean (2%) và các nước khác (1%)**.

VỊ THẾ CỦA CÔNG TY VÀ THỊ PHẦN XUẤT KHẨU

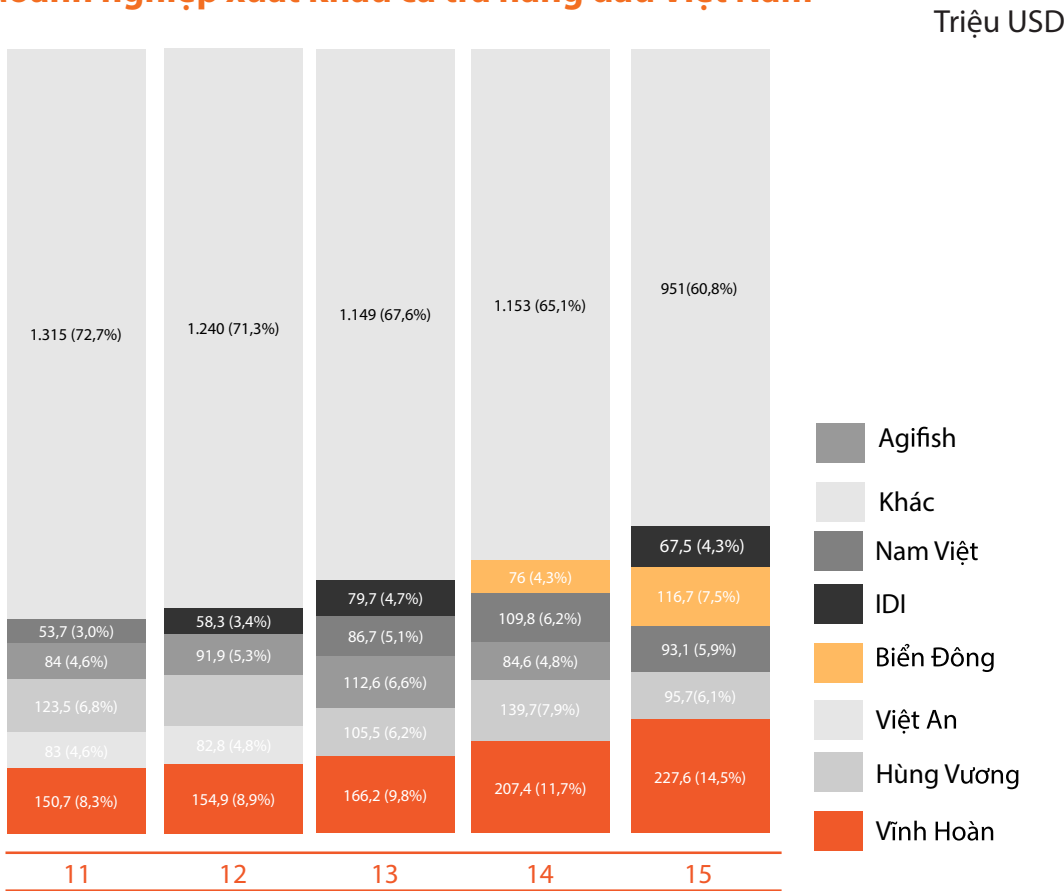
Vinh Hoàn tiếp tục từ năm 2010 đến 2015 giữ vững vị trí dẫn đầu của toàn ngành cá tra và đứng thứ hai trong ngành thủy sản của Việt Nam.

Đơn vị tính: triệu USD

Nguồn: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

2011	2012	2013	2014	2015
VĨNH HOÀN 150,7	VĨNH HOÀN 154,9	VĨNH HOÀN 166,2	VĨNH HOÀN 207,4	VĨNH HOÀN 227,6
HÙNG VƯƠNG 123,5	HÙNG VƯƠNG 111,9	AGIFISH 112,6	HÙNG VƯƠNG 139,7	BIỂN ĐÔNG 116,7
AGIFISH 84,0	AGIFISH 91,9	HÙNG VƯƠNG 105,5	NAM VIỆT 109,8	HÙNG VƯƠNG 95,7
VIỆT AN 83,0	VIỆT AN 82,8	NAM VIỆT 86,7	AGIFISH 84,6	NAM VIỆT 93,1
NAM VIỆT 53,7	I.D.I 58,3	I.D.I 79,7	BIỂN ĐÔNG 76	I.D.I 67,5

Top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu Việt Nam

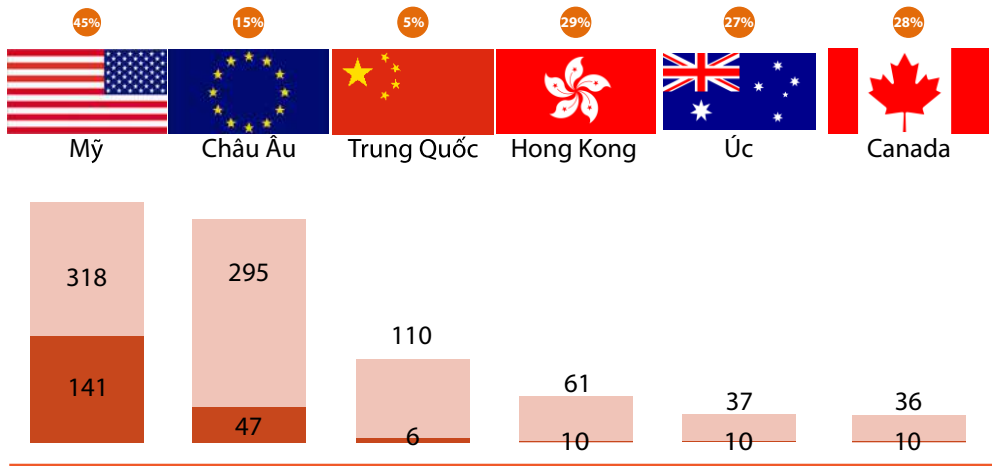


THỊ PHẦN XUẤT KHẨU

Đối với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm cá tra, năm 2015 Vinh Hoàn chiếm thị phần là 15%, tăng thêm 2% so với năm 2014. Năm 2015 thị trường xuất khẩu chính của Vinh Hoàn vẫn là Mỹ (chiếm 60%) và Châu Âu (chiếm 20%). Đối với thị trường Châu Âu, mặc dù xuất khẩu của toàn ngành giảm, Vinh Hoàn vẫn giữ ổn định doanh thu xuất khẩu vào thị trường này nhờ vào chính sách bán hàng vào phân khúc chất lượng cao, vào hệ thống phân phối lớn và uy tín. Công ty phát triển thêm thị phần ở Châu Âu nói chung và đặc biệt là ở phân khúc Châu Âu cao cấp, chiếm đến 23%. Năm 2015 cũng ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc của thị trường Úc, tăng trưởng gần 20%, giá bán được duy trì ổn định. Các thị trường khác Vinh Hoàn duy trì tăng trưởng tốt và thị phần cao còn bao gồm Canada và Hongkong. Các thị trường khác tuy chưa chiếm tỷ trọng cao nhưng có sự phát triển vượt bậc từ 80% đến hơn 100% bao gồm Trung Quốc, Nhật và một số nước Nam Mỹ (Mexico, Chile).

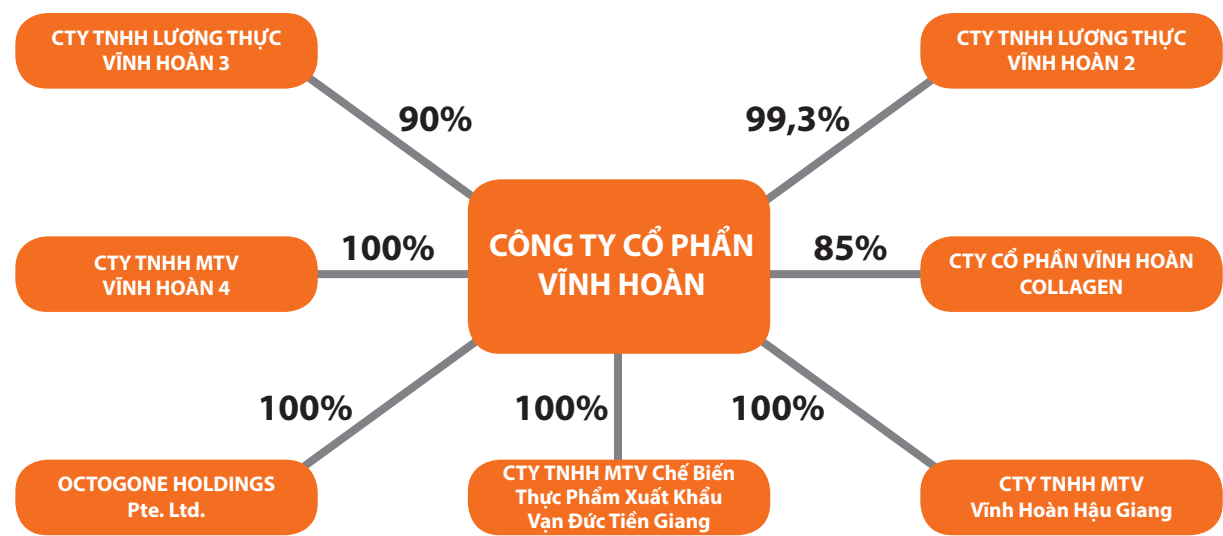
Thị phần của Vinh Hoàn ở một số thị trường chính - 2015

(Triệu USD - %)



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ CÁC CÔNG TY CON



1. CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 07 ngày 14 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ **100.000.000.000 VNĐ** trong đó Vĩnh Hoàn góp **99.300.000.000 VNĐ**, tương đương 99,30%.

Ngành nghề kinh doanh chính: xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; mua bán, xuất nhập khẩu gạo.

2. Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ **80.000.000.000 VNĐ** trong đó Vĩnh Hoàn góp **72.000.000.000 VNĐ**, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2015 Vĩnh Hoàn đã góp 311.000.000 VNĐ.

Ngành nghề kinh doanh chính: xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; mua bán, xuất nhập khẩu gạo.

Vĩnh Hoàn 3 hiện nay chưa đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động.

3. Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012.

Vốn điều lệ **50.000.000.000 VNĐ**. Vĩnh Hoàn chưa thực hiện góp vốn vào công ty này.
Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Vĩnh Hoàn 4 hiện nay chưa đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động.

4. Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 06 ngày 13 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Ngày 4/01/2016 Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen.

Vốn điều lệ **100.000.000.000 VNĐ** trong đó Vĩnh Hoàn góp **85.000.000.000 VNĐ**, tương đương 85%.

Ngành nghề kinh doanh chính: chiết xuất và sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân.

5. Octogone Holdings Pte. Ltd.

Được thành lập tại Singapore theo Giấy xác nhận thành lập số 20150681 ngày 17 tháng 03 năm 2015 do cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế toán (ACRA) cấp.

Vốn góp dự kiến **700.000 USD** trong đó Vĩnh Hoàn góp 100%. Tại ngày 31/12/2015 Vĩnh Hoàn đã góp **200.000 USD**

Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán xuất nhập khẩu thủy hải sản.

6. Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang

Được Vĩnh Hoàn mua lại trong năm 2014 - 2015.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200667963 thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với vốn điều lệ là **305.423.960 VNĐ**. Tại ngày 31/12/2015, Vĩnh Hoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.
Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng, chế biến, bảo quản, mua bán thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

7. Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ **30.000.000.000 VNĐ**, Vĩnh Hoàn sở hữu 100%. Tại ngày 31/12/2015 Vĩnh Hoàn đã góp **155.000.000 VNĐ**.

Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất giống thủy sản.

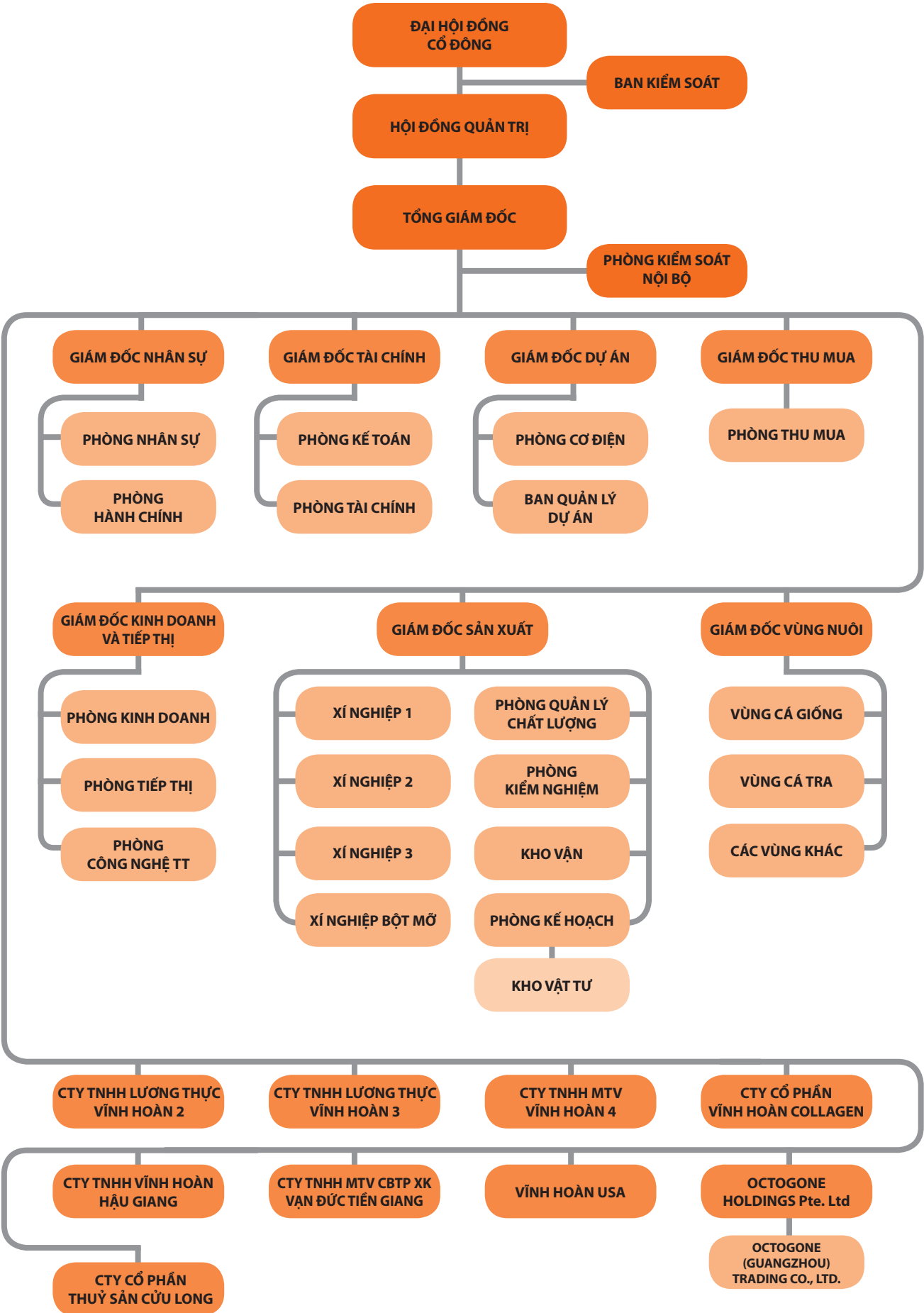


SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ

Công ty hiện nay được tổ chức quản lý theo các chức năng hoạt động chính, bao gồm (i) nuôi thủy sản, (ii) thu mua, (iii) chế biến, (iv) kế toán tài chính, (v) xây dựng cơ bản, (vi) nhân sự và (vii) bán hàng.

Báo cáo trực tiếp cho các Giám Đốc phụ trách các khối này là các trưởng phòng. Các phòng được tổ chức theo chức năng hoạt động từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến kinh doanh.

Các công ty con có các Giám Đốc phụ trách về kết quả sản xuất kinh doanh của chính công ty con đó, báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám Đốc. Đối với các công ty con ở nước ngoài chủ yếu hoạt động bán hàng, phát triển thị trường thì phối hợp với chiến lược bán hàng chung của Công ty mẹ, chịu trách nhiệm với Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị về doanh số bán hàng.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của ban điều hành

Giới thiệu Ban Giám Đốc

Báo cáo của Ban Giám Đốc về hoạt động trong năm 2015

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong phát triển sản phẩm chính

Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức - chính sách - quản lý cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo giám sát ban điều hành của Hội Đồng Quản Trị

Giới thiệu thành viên Hội Đồng Quản Trị

Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2015

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2015

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các hoạt động của công ty, của Ban Giám Đốc, các hoạch định trong tương lai

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

Giới thiệu Ban Kiểm Soát

Báo cáo của Ban Kiểm Soát trong năm 2015 và kế hoạch hoạt động trong năm 2016



GIỚI THIỆU NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH



Bà Trương Thị Lệ Khanh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Tổng Giám Đốc
Năm sinh: 1961
Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Là người sáng lập Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 19 năm giữ vị trí Giám Đốc và Tổng Giám Đốc, đồng thời là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kể từ khi Công ty chuyển đổi sang mô hình cổ phần từ năm 2007. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vĩnh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Với quy mô ngày càng lớn của Công ty và định hướng phát triển trong tương lai, bà giao quyền điều hành và đặt trách nhiệm cho các cán bộ quản lý cấp cao đối với từng hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo đạt được các chiến lược đề ra.



Bà Trương Tuyết Phương
Giám Đốc Thu Mua
Năm sinh: 1974
Chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 19 năm
Trước khi trở thành Giám Đốc Thu Mua, theo mô hình tổ chức cũ, bà Trương Tuyết Phương là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách quản lý tài chính. Với kinh nghiệm ở vị trí cũ, trong vai trò mới này bà Phương sẽ quản lý tốt hơn các hoạt động thu mua cho Công ty với định hướng ngày càng nâng cao chất lượng nguyên vật liệu, đồng thời gia tăng tính cạnh tranh của chi phí đầu vào.



Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị
Năm sinh: 1979
Chuyên môn: Cử nhân luật; Thạc sĩ quản trị kinh doanh-Maastricht school of Management

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 13 năm
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động bán hàng và tiếp thị của Công ty, quản lý đội ngũ bán hàng ở nước ngoài, đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn.



Ông Huỳnh Đức Trung
Giám Đốc Dự Án
Năm sinh: 1963
Chuyên môn: Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 16 năm
Ông Huỳnh Đức Trung phụ trách việc thiết lập và theo dõi tiến độ của các dự án xây dựng mới của Công ty, điều hành các hoạt động liên quan đến vận hành, bảo trì và an ninh nhà máy.



Bà **Nguyễn Thị Kim Đào**
Giám Đốc Tài Chính
Năm sinh: 1979
Chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán

Thời gian làm việc ở Vinh Hoàn: 13 năm.
Bà Nguyễn Thị Kim Đào là kế toán trưởng của Vinh Hoàn trong 10 năm trước khi trở thành Giám Đốc Tài Chính vào năm 2014. Bà giữ vai trò chủ chốt trong việc quản lý các quy trình kế toán và tài chính nhằm đảm bảo tính tuân thủ, chính xác và trung thực, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đồng vốn cho Vinh Hoàn và các Công ty con.



Bà **Hồ Thanh Huệ**
Giám Đốc Sản Xuất
Năm sinh: 1982
Chuyên môn: Kỹ sư môi trường

Thời gian làm việc ở Vinh Hoàn: 12 năm.
Bà Hồ Thanh Huệ quản lý hoạt động sản xuất của các nhà máy chế biến cá đông lạnh, bộ phận quản lý chất lượng và kho vận. Bà Huệ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển quy mô sản xuất của Công ty, đáp ứng kịp thời và đầy đủ yêu cầu tăng trưởng về doanh thu bán hàng đồng thời đảm bảo hiệu quả sản xuất ở mức tối ưu.



Bà **Đặng Thị Thương**
Giám Đốc Các Vùng Nuôi
Năm sinh: 1987
Chuyên môn: Thạc sĩ sinh học

Thời gian làm việc ở Vinh Hoàn: 6 năm.
Bà Đặng Thị Thương là quản lý các hoạt động nuôi trồng của Công ty theo chiến lược bền vững, đạt được các tiêu chuẩn quốc tế quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của Vinh Hoàn trên thị trường.



Bà **Nguyễn Thị Hạnh**
Quyền Giám Đốc Nhân Sự
Năm sinh: 1973
Chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Nguồn Nhân Lực, Đại học Swinburne, Australia

Bà Nguyễn Thị Hạnh là người có vai trò quan trọng việc xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực và phát triển tổ chức nhằm đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng cho sự tăng trưởng của Công ty.



Bà **Huỳnh Thị Tuyết Nga**
Giám Đốc Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (“VĐTG”)
Năm sinh: 1978
Chuyên môn: Cử nhân chế biến thủy sản

Sau khi VĐTG được sáp nhập vào Vinh Hoàn, bà Huỳnh Thị Tuyết Nga đã điều hành các hoạt động nuôi trồng và sản xuất của VĐTG một cách hiệu quả để đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2015.



Ông **Võ Phú Đức**
Giám Đốc Công ty Cổ phần Vinh Hoàn Collagen
Năm sinh: 1976
Chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Thời gian làm việc ở Vinh Hoàn: 13 năm.
Ông Võ Phú Đức điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Vinh Hoàn Collagen. Trong năm 2015 ông đã xuất sắc lãnh đạo đội ngũ Công ty để nhà máy Collagen và Gelatin đi vào hoạt động đúng tiến độ, đạt các yêu cầu kỹ thuật và công nghệ cao.

TÓM TẮT VỀ TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2015 là năm vô cùng khó khăn của ngành tôm Việt Nam, dẫn đến sự sụt giảm đáng kể của ngành xuất khẩu thủy sản nói chung. Tổng trị giá xuất khẩu của toàn ngành thủy sản đạt 6,6 tỷ USD, giảm 16% so với mức 7,84 tỷ USD của năm 2014. Trị giá xuất khẩu tôm tuy vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất của toàn ngành nhưng sụt giảm 25%, từ gần 4 tỷ USD năm ngoái xuống còn 3 tỷ USD năm 2015. Sự sụt giảm này của con tôm Việt Nam được lý giải chủ yếu bởi sức cạnh tranh kém của nguồn nguyên liệu so với các nước như India, Thailand và Indonesia. Thời tiết không thuận lợi và dịch bệnh đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long đã làm nguồn nguyên liệu tôm Việt Nam trở nên đắt đỏ hơn so với các nước khác, làm ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng và doanh số xuất khẩu tôm của Việt Nam. Báo cáo của Ban Giám Đốc về năm 2015 lại bắt đầu từ tình hình của tôm vì có những lý do sau. “Trông tôm mà nghĩ tới cá”, hay nghĩ tới các thách thức của ngành nuôi trồng thủy sản nói chung, để có những kế hoạch giải quyết các vấn đề mang tính gốc rễ thì mới vượt qua và tiếp tục phát triển. Ngoài ra, chẳng phải Vinh Hoàn cũng đã bắt đầu mở rộng sang tôm, đầu là con đường đi của mảng kinh doanh mới này, chắc chắn là mối quan tâm đáng kể của các cổ đông Công ty. Như vậy, chúng ta có thể “mượn” bối cảnh khó khăn của tôm trong năm 2015 để nói về thách thức gì?

Thứ nhất, nuôi trồng thủy sản là liên quan đến sông ngòi, ao hồ, thời tiết, khí hậu. Nuôi được tôm được cá là quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là có đủ kiến thức, năng lực, quyết tâm và kế hoạch để đảm bảo nguồn cung lâu dài và cạnh tranh bền vững. Do đó nuôi trồng bền vững chắc chắn không thể là khẩu hiệu, giấy chứng nhận hay logo trên sản phẩm mà là vấn đề sống còn, là sự lựa chọn rõ ràng nhất để đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh.

Thứ hai, để tránh những ảnh hưởng quá đáng kể đến tính ổn định của hiệu quả kinh doanh, cần xây dựng thị trường và kênh bán hàng đủ mạnh để ít bị tổn thương khi có biến động chung của nền kinh tế, của thế giới “commodity”.

Sản phẩm cá tra Việt Nam đạt trị giá xuất khẩu 1,58 tỷ USD trong năm 2015, giảm 11% so với mức 1,77 tỷ USD của năm ngoái. Đây là mức giảm khá nhiều trong lịch sử phát triển của ngành cá tra Việt Nam, tuy nhiên chủ yếu là do giá bán giảm. Nhà đầu tư thường khá nhạy cảm và lo lắng khi giá giảm. Nhưng mức giá 2015 là phản ảnh hiển nhiên của sự sụt giảm trong chi phí nguyên liệu, chủ yếu do giá thức ăn giảm, là kết quả dây chuyền của giá bã đậu nành và giá dầu trên thế giới. Do đó, đánh giá chung năm 2015, chúng tôi cho rằng toàn ngành khá ổn định, doanh nghiệp nào mạnh ở đâu thì phát triển khá tốt ở đó.

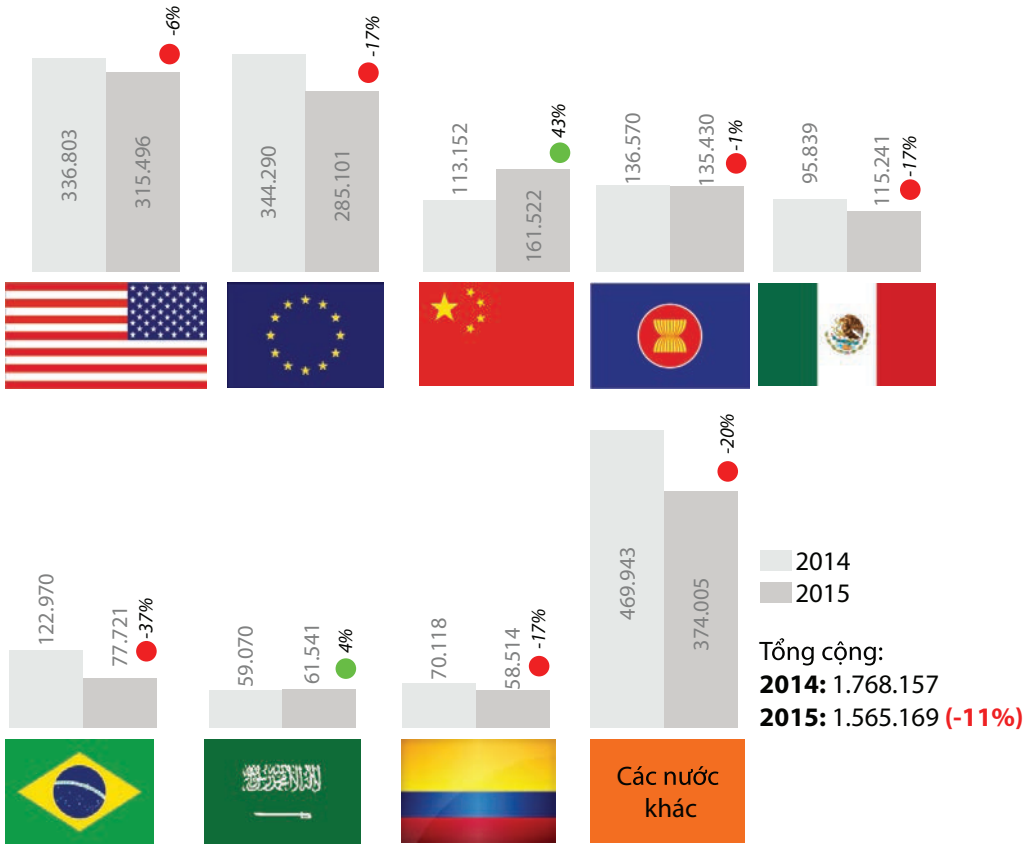
Một số diễn biến về thị trường và sự kiện trong năm của ngành cá tra bao gồm:

- Ngoài một số trường hợp đặc biệt như sự sụt giảm hơn 30% của thị trường Brazil do những thay đổi trong yêu cầu chất lượng sản phẩm của cơ quan nhập khẩu, các thị trường lớn khác duy trì khá ổn định, sụt giảm trong trị giá chủ yếu do giá bán giảm như đã phân tích trên. Các thị trường lớn của ngành cá tra bao gồm Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc, Asean, Mexico và Brazil. Nổi bật trong cơ cấu của các khối thị trường lớn này là sự tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc, một số nước Asean như Thailand và Philippines.

Tình hình thị trường xuất khẩu qua các nước

triệu USD

Nguồn: Vasep



- Như phân tích ở trên, các thị trường khá ổn định, các con số sụt giảm đa phần là do chi phí nguyên liệu giảm chung cho toàn bộ các thị trường. Hơn nữa, khi phân tích từng thị trường cụ thể của từng vùng, bức tranh có phần tốt lên nhiều, đặc biệt là các thị trường Châu Âu ở phân khúc cao cấp. Một số nước ở khối Châu Âu như Anh, Hà Lan, Đức, Bỉ đã chuyển đổi sang ngày càng nhiều sản phẩm chất lượng cao hơn, được cung cấp theo chương trình nuôi trồng bền vững và sản xuất an toàn, minh bạch. Khi phân khúc toàn khối thị trường Châu Âu thì sẽ thấy ngay cả trong tình hình giá đầu vào giảm, giá bán tại một số thị trường lại giảm rất ít hoặc tăng. Đây là minh chứng cho việc thị trường đã được phân hóa rõ ràng hơn. Ở một số thị trường nhất định, sức định giá của cá tra đã được cải thiện, chứ không đơn thuần “commodity” như những thị trường khác.
- Sự sụt giảm ở các thị trường lớn khác có phần phản ánh khả năng chuyển đổi của các thị trường này trong tương lai. Ở một số thị trường đã ghi nhận sự hiểu biết sâu hơn của nhà phân phối, nhà bán lẻ và cơ quan thẩm quyền về chất lượng và an toàn sản phẩm, người tiêu dùng đã bắt đầu có yêu cầu cao hơn về khả năng truy xuất, tính bền vững của sản phẩm. Sự sụt giảm trong ngắn hạn là có thể hiểu được và có thể là cơ hội của những nhà sản xuất nghiêm túc và đầu tư dài hạn vào chất lượng sản phẩm.

- Về mặt các quy định pháp lý, năm 2014 ngành cá tra thu hút sự quan tâm của các cơ quan nhà nước, các chuyên gia và doanh nghiệp liên quan đến Nghị Định 36/2014/NĐ-CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra, theo đó một số tiêu chuẩn về chất lượng cá tra sẽ được kiểm soát ở mức cao hơn thị trường đang tiêu thụ với mong muốn nâng hình ảnh sản phẩm cá tra trên thế giới, đồng thời quy hoạch tốt hơn về nuôi trồng về cả số lượng lẫn chất lượng. Qua tất cả các kiến nghị và khảo sát được ghi nhận, Chính Phủ đã có quyết định hoãn thi hành Nghị Định này cho đến cuối năm 2015. Cho đến thời điểm này tuy chưa có hướng dẫn mới về Nghị định 36 nhưng thời gian gần 2 năm vừa qua cũng đã tạo cơ hội cho thị trường tự chuyển đổi, Nghị định này nếu được thực thi tốt một cách hiệu quả sẽ là một tác động tốt giúp ngành cá tra có những bước phát triển bền vững hơn trong tương lai.
- Ngày 26/11/2015, Bộ Nông nghiệp Mỹ (“USDA”) thông báo sẽ chính thức triển khai quy định mới về Chương trình thanh tra cá da trơn (“Farm Bill”) từ tháng 3/2016, theo đó cho phép lộ trình chuyển đổi 18 tháng đối với các nhà sản xuất cá da trơn vào Mỹ. Từ đây đến ngày 01/09/2017, Việt Nam phải gửi tài liệu để chứng minh Việt Nam có một hệ thống kiểm tra ở nơi sản xuất và có tiêu chuẩn tương đương với Mỹ cho Cơ quan Kiểm dịch và An toàn Thực phẩm (“FSIS”). Nếu FSIS xác định rằng tài liệu phía Việt Nam tương đương với chương trình của FSIS, FSIS sẽ tiến hành thanh tra thực địa hệ thống tiêu chuẩn tương đương mà phía Việt Nam cung cấp. Trong thời gian chờ FSIS đánh giá, các công ty Việt Nam vẫn có thể tiếp tục xuất khẩu cá tra vào Mỹ. Đây có thể là thách thức cho Vĩnh Hoàn nói riêng và ngành cá tra nói chung trong tương lai. Tuy nhiên chiến lược và nỗ lực tìm cơ hội là quan trọng để vượt qua thách thức này để tiếp tục phát triển, như đã phân tích ở phần đầu của báo cáo này.
- Về tình hình tại các nước tiêu thụ, các nhà nhập khẩu gặp khó khăn trong năm 2015 do sự yếu đi của đa số các đồng tiền trên thế giới, đặc biệt là ở Châu Âu. Sản phẩm cá tra vẫn giữ vị trí cạnh tranh so với các loài cá thịt trắng khác trên thị trường, tiếp tục là nguồn cung ứng protein tốt cho sức khỏe với chi phí phải chăng cho người tiêu dùng trên thế giới. Tuy phải giảm giá theo xu hướng chung năm 2015 của toàn bộ hàng hóa nông thủy sản toàn cầu, cá tra vẫn giữ được sản lượng tiêu thụ ổn định và ngày càng biết đến ở nhiều quốc gia.

Năm 2015, Vĩnh Hoàn có những diễn biến về sản xuất, thị trường và các sự kiện chính sau đây góp phần vào kết quả kinh doanh của Công ty:

- Mức thuế chống bán phá giá 0% vào thị trường Mỹ được duy trì trong đợt xem xét hành chính thứ 10. Song song với việc phát triển các thị trường mới, Công ty tiếp tục phát huy lợi thế ở thị trường Mỹ, đóng góp đáng kể vào doanh thu và biên lợi nhuận năm 2015.
- Mặc dù thị trường Châu Âu chung của cả ngành giảm sút, Vĩnh Hoàn vẫn duy trì sự tăng trưởng ở những thị trường thế mạnh như UK, Hà Lan và Bỉ, giúp gia tăng thị phần Châu Âu của Vĩnh Hoàn trên toàn ngành từ 12% lên 15%. Đây là năm thứ ba liên tiếp Vĩnh Hoàn tiếp tục tăng thị phần tại Châu Âu, phản ánh lợi thế cạnh tranh của Công ty tại khu vực thị trường này, vốn có yêu cầu cao về kiểm soát có hệ thống và tính tuân thủ nghiêm ngặt trong sản xuất kinh doanh. Nếu chỉ tính riêng phân khúc thị trường cao cấp ở Châu Âu, Vĩnh Hoàn chiếm thị phần tới hơn 23%.
- Gia tăng năng lực sản xuất, giúp tiết giảm chi phí, làm tăng tính cạnh tranh và giúp Vĩnh Hoàn có sự tham gia hơn vào các thị trường lớn và mới nổi như Trung Quốc, Mexico, Chile đồng thời giúp cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

- Thành lập công ty con sở hữu 100% tại Singapore, Octogone Holdings Pte. Ltd. để sở hữu Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd., nhằm phát triển bán hàng ở thị trường Trung Quốc.
- Cuối quý 1 năm 2015, nhà máy Collagen chính thức đi vào hoạt động với công suất thiết kế 2,000 tấn thành phẩm/năm (1,000 tấn collagen peptide và 1,000 tấn gelatin). Trong năm 2015, Công ty đã hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng với các chứng nhận như ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, GMP-WHO, Chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Bộ Y tế - các chứng nhận cần thiết để có thể bán nội địa cũng như xuất khẩu nguyên liệu cho các công ty thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm, đạt được chứng nhận HALAL để tiến tới tiếp cận các thị trường Hồi Giáo.
- Thành lập bộ phận “New Product Development” để phát triển thêm các sản phẩm giá trị gia tăng, thực hiện chiến lược gia tăng doanh thu của các loại sản phẩm này trong tương lai.
- Thu hẹp ngành hàng gạo để có kế hoạch tái cơ cấu, giảm sự ảnh hưởng của mảng kinh doanh này vào kết quả chung của Công ty.



TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH

Ban điều hành Công ty đã hoàn thành vượt mục tiêu do cổ đông đề ra cho năm 2015 với các bước tăng trưởng tốt, lợi nhuận vượt kế hoạch và tiếp tục đạt một mốc lịch sử mới về doanh thu. Ban Giám Đốc Công ty báo cáo với cổ đông các kết quả cụ thể của năm 2015 như sau:

TĂNG TRƯỞNG VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SO VỚI NĂM 2014:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	% tăng trưởng
Doanh thu hợp nhất	6.292	6.493	3%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	288*	323	12%

*Lợi nhuận này đã loại trừ lợi nhuận có được từ thương vụ bán Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vinh Hoàn 1 trong năm 2014. Tổng lợi nhuận sau thuế của năm 2014 là 439 tỷ đồng.

MỨC ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015 VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu hợp nhất	6.493	7.270	89%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	323	320	101%

Nếu tách riêng mảng kinh doanh cốt lõi thì doanh thu về các sản phẩm cá tra đạt 95% kế hoạch đề ra. Doanh thu hợp nhất đạt 89% kế hoạch là do:

Trong năm Công ty có hạn chế về hoạt động mua bán thức ăn thủy sản do nhận thấy không được đảm bảo về các khoản phải thu;

Sản phẩm collagen và gelatin chưa đóng góp doanh thu đáng kể do Công ty cần thời gian để đạt được các chứng nhận chất lượng quan trọng theo yêu cầu của thị trường và khách hàng, đồng thời phải làm các thủ tục được chấp thuận ở các nước nhập khẩu.

PHÂN TÍCH VỀ DOANH THU

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2015 tăng 3% so với năm 2014, trong đó có sự đóng góp đáng kể từ doanh thu bán các sản phẩm cá tra và phụ phẩm có liên quan. Chỉ riêng doanh thu bán các sản phẩm cá tra và bột mỡ cá, toàn công ty đạt 6.229 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 16% so với năm 2014. Về cơ cấu doanh thu sản phẩm chính nhìn chung không có sự thay đổi lớn so với các năm trước. Doanh thu bán hàng hóa bao gồm doanh thu từ bán hàng hóa cá tra và thức ăn thủy sản. Doanh thu dịch vụ chủ yếu là từ dịch vụ xuất khẩu ủy thác.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm và hoạt động qua các năm:

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Doanh thu thuần 2013	Cơ cấu 2013	Doanh thu thuần 2014	Cơ cấu 2014	Doanh thu thuần 2015	Cơ cấu 2015
Doanh thu bán hàng hóa	291	6%	366	6%	250	3,9%
Doanh thu bán hàng thành phẩm	4.180	82%	5.141	81,7%	5.252	80,87%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30	0,5%	16	0,3%	2	0,03%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	52	1%	67	1%	54	0,8%
Doanh thu phế phẩm	542	10,5%	702	11%	935	14,4%
Tổng	5.095		6.292		6.493	

Sau khi Công ty thu gọn ngành gạo và trong năm 2015 cũng mới bắt đầu khởi động nhà máy collagen thì cơ cấu doanh thu của toàn tập đoàn chủ yếu được hợp nhất từ Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (“VĐTG”). Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Doanh thu thuần 2015	
Công ty mẹ	5.232
Công ty TNHH Lương thực Vinh Hoàn 2	37
VĐTG	1.553
Công ty Cổ phần Vinh Hoàn Collagen	26
Octogone Holdings Pte. Ltd.	2

Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (“VĐTG”)

Vốn góp của Vinh Hoàn: 100%

Ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng và Chế biến các sản phẩm cá tra

Sau khi sáp nhập vào Vinh Hoàn, VĐTG đã có bước phát triển rất tốt, giúp Công ty mẹ gia tăng năng lực sản xuất, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung của ngành nghề cá tra cốt lõi. Doanh thu thuần năm 2015 của VĐTG tăng 38% so với 2014, đạt gần 1.553 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 92 tỷ đồng.

Công ty TNHH Lương thực Vinh Hoàn 2

Vốn góp của Vinh Hoàn: 99,3%
Ngành nghề kinh doanh: chế biến gạo xuất khẩu

Năm 2015 với chủ trương thu hẹp ngành gạo chờ tái cấu trúc, Công ty TNHH Lương thực Vinh Hoàn 2 thu về doanh thu 37 tỷ đồng và khoản lỗ chủ yếu do khấu hao ở mức 20 tỷ đồng.

Octogone Holdings Pte. Ltd. (“Octogone”)

Vốn góp của Vinh Hoàn: 100%
Chức năng chính: đầu tư vào Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd., là một cơ sở bán hàng tại Trung Quốc cho Công ty mẹ.

Nhờ vào việc tổ chức đội ngũ bán hàng tại địa phương, nói ngôn ngữ và am hiểu về thị hiếu văn hóa địa phương mà Công ty đã phát triển rất tốt thị trường Trung Quốc trong năm 2015. Công ty thực hiện nhất quán việc cạnh tranh đúng pháp luật, giới thiệu sản phẩm chất lượng đến người mua để phát triển thị trường lớn thứ hai của toàn ngành này, tuy không theo hướng ồ ạt nhưng rất vững chắc và sẽ phát triển nhanh về sau. Bên cạnh việc hỗ trợ xuất khẩu cho Công ty mẹ, Octogone Guangzhou còn có giấy phép nhập khẩu, làm thủ tục hải quan và giao hàng cho khách hàng tại Trung Quốc. Doanh thu năm 2015 khoảng 2 tỷ đồng của Octogone chính là khởi đầu của hoạt động nhập khẩu này.

Công ty Cổ phần Vinh Hoàn Collagen (“Vinh Hoan Collagen”)

Vốn góp của Vinh Hoàn: 85%
Ngành nghề kinh doanh: sản xuất gelatin và collagen từ da cá

Cuối quý 1 năm 2015, nhà máy Collagen chính thức đi vào hoạt động với công suất thiết kế 2,000 tấn thành phẩm/năm (1,000 tấn collagen peptide và 1,000 tấn gelatin). Trong năm 2015, Vinh Hoàn Collagen đã hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng với các chứng nhận như ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, GMP-WHO, Chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Bộ Y tế - các chứng nhận cần thiết để có thể bán nội địa cũng như xuất khẩu nguyên liệu cho các công ty thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm, đạt được chứng nhận HALAL để tiến tới tiếp cận các thị trường Hồi Giáo. Trong thời gian thực hiện các chứng nhận này và đăng ký thủ tục được chấp thuận tại nước nhập khẩu, Công ty có được nhiều khách hàng đã “pass” giai đoạn thử mẫu và mua đơn đầu tiên để họ sản xuất thử. Doanh thu năm 2015 có khiêm tốn, chỉ đạt khoảng 26 tỷ đồng và chưa thu được lợi nhuận, nhưng trong khoản doanh thu này có đóng góp của khá nhiều các khách hàng đã mua thử vài trăm kg nên đây là kết quả đáng khích lệ, làm tiền đề cho doanh thu đã bắt đầu đẩy mạnh từ quý I năm 2016.

PHÂN TÍCH VỀ BIÊN LỢI NHUẬN

Trong năm 2015, Công ty có sự thay đổi về cách hoạch toán lợi nhuận của các sản phẩm phụ phẩm, do đó có sự chênh lệch khá lớn về tỷ lệ lợi nhuận gộp của từng nhóm sản phẩm. Nếu so sánh cùng cơ sở hạch toán của năm 2014 thì biên lợi nhuận gộp của nhóm thành phẩm và phụ phẩm là 12,69% gần tương đương so với năm 2014.

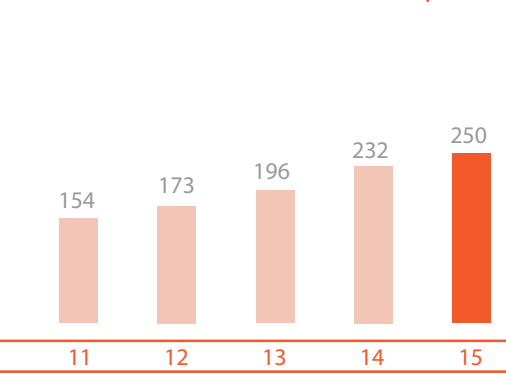
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2014	2013
Doanh thu bán hàng hóa	250	366	291
Doanh thu bán thành phẩm	5.252	5.141	4.180
Doanh thu phụ phẩm	935	702	542
Giá vốn hàng hóa	224	333	255
Giá vốn thành phẩm	4.449	4.433	3.665
Giá vốn phụ phẩm	953	645	530
Biên lợi nhuận gộp (hàng hóa)	10,40%	9,02%	12,37%
Biên lợi nhuận gộp (thành phẩm)	15,29%	13,77%	12,32%
Biên lợi nhuận gộp (phụ phẩm)	-1,93%	8,12%	2,21%
Biên lợi nhuận gộp (phụ phẩm + thành phẩm)	12,69%	13,09%	11,16%

PHÂN TÍCH RIÊNG VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

Tổng trị giá xuất khẩu của Công ty năm 2015 đạt 250 triệu USD, tăng 7% so với năm 2014, trong đó riêng doanh số xuất khẩu thủy sản tăng 15%. Đây là một năm liên tiếp trong gần 10 năm qua Công ty luôn tăng trưởng ở mức hai con số về trị giá xuất khẩu thủy sản, ngày càng mở rộng thị trường, gia tăng một cách ổn định thị phần ở nước ngoài và trong toàn ngành.

Tổng giá trị xuất khẩu của Vinh Hoàn
triệu USD



Cơ cấu giá trị Xuất khẩu của Vinh Hoàn năm 2015

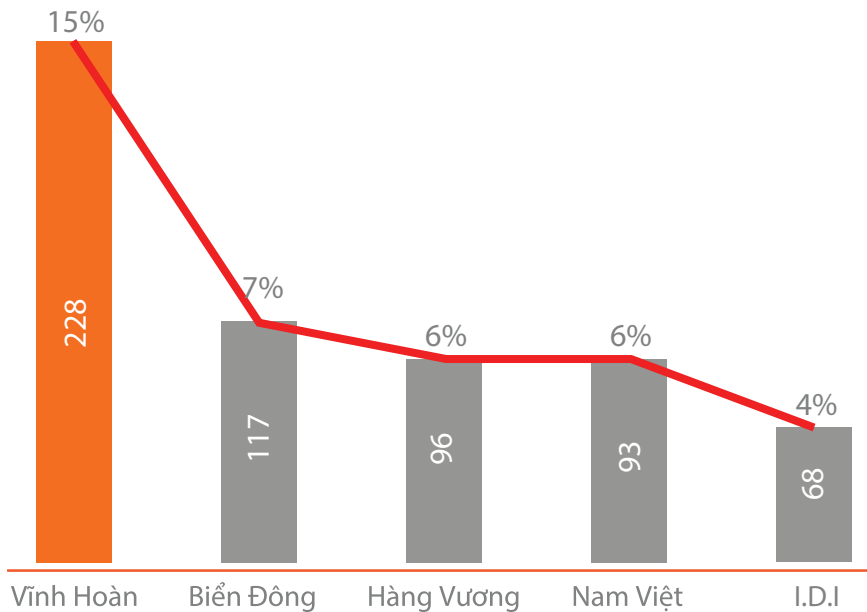


Vinh Hoàn tiếp tục từ năm 2010 đến nay giữ vững vị trí dẫn đầu của toàn ngành cá tra, chiếm thị phần năm 2015 là 15%, tăng thêm 2% so với năm 2014.

CÁC CÔNG TY XUẤT KHẨU CÁ TRA HÀNG ĐẦU CỦA VIỆT NAM

Nguồn: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (“VASEP”)

Trị giá xuất khẩu (triệu USD) và thị phần (%) các công ty hàng đầu Việt Nam



Năm 2015 thị trường xuất khẩu chính của Vinh Hoàn vẫn là Mỹ (chiếm 60%) và Châu Âu (chiếm 20%). Đối với thị trường Châu Âu, mặc dù xuất khẩu của toàn ngành giảm, Vinh Hoàn vẫn giữ ổn định doanh thu xuất khẩu vào thị trường này nhờ vào chính sách bán hàng vào phân khúc chất lượng cao, vào hệ thống phân phối lớn và uy tín. Công ty phát triển thêm thị phần ở Châu Âu nói chung và đặc biệt là ở phân khúc Châu Âu cao cấp, chiếm đến 23%. Điểm đặc biệt ở thị trường Châu Âu của Vinh Hoàn là năm 2015 lại ghi nhận sự tăng giá 0.5% so với 2014 trong bối cảnh các thị trường cá tra của Việt Nam đều giảm giá. Năm 2015 cũng ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc của thị trường Úc, tăng trưởng gần 20%, giá bán được duy trì ổn định. Các thị trường khác Vinh Hoàn duy trì tăng trưởng tốt và thị phần cao còn bao gồm Canada và Hongkong. Các thị trường khác tuy chưa chiếm tỷ trọng cao nhưng có sự phát triển vượt bậc từ 80% đến hơn 100% bao gồm Trung Quốc, Nhật và một số nước Nam Mỹ (Mexico, Chile).

Sản phẩm cá chẻm của Công ty có bước ổn định trong năm 2015 với kế hoạch nuôi trồng theo chương trình bán hàng, tạo tiền đề cải thiện hiệu quả nuôi để có bước phát triển lớn hơn trong tương lai. Trong năm qua Công ty cũng bắt đầu bán sản phẩm tilapia tuy với doanh số chưa đáng kể. Các sản phẩm giá trị gia tăng tuy tăng trưởng ổn định và chiếm tỷ trọng vẫn ở khoảng 2% doanh số nhưng năm 2015 đã có mức giá bán cao 3% so với năm trước. Đây là hướng phát triển tích cực, chứng tỏ sự phát triển của hàm lượng gia tăng trong sản phẩm, làm tiền đề cho định hướng phát triển thêm trong 2016 và những năm tiếp theo.

Hong Kong - 4%



Canada - 5%



Úc - 5%

Châu Âu - 20%



Trung Quốc - 3%



Asean - 2%



Các nước khác - 1%



Mỹ - 60%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tổng chi phí cho hoạt động đầu tư mua sắm tài sản cố định trong năm 2015 là 348 tỷ đồng. Trong đó bao gồm:

Dự án “Nhà máy thủy sản Vạn Đức Tiền Giang – giai đoạn 2” đầu tư trong năm 2015 với tổng vốn đầu tư dự kiến 340 tỷ đồng trong đó bao gồm các hạng mục chính:

- Dây chuyền chế biến cá tra fillet công suất 12.000 tấn thành phẩm/năm
- Dây chuyền sản xuất hàng giá trị gia tăng công suất 3.000 tấn thành phẩm/năm
- Dây chuyền sản xuất bột và mỡ cá tra công suất 18.000 tấn thành phẩm/năm
- Kho lạnh thành phẩm 2.500 tấn

Trong năm Vạn Đức Tiền Giang đã giải ngân khoảng 55% vốn đầu tư

Dự án này dự kiến đưa vào hoạt động trong tháng 06/2016.

Dự án “Xưởng chế biến bột cá, mỡ cá – đầu tư mở rộng giai đoạn 2” đầu tư từ năm 2014 với tổng vốn đầu tư dự kiến 148 tỷ đồng. Đến hết năm 2015 Vinh Hoàn đã giải ngân khoảng 33% vốn đầu tư Dự án này dự kiến đưa vào hoạt động trong tháng 05/2016.

Dự án “Nhà máy sản xuất Collagen và Gelatin từ da cá tra” đầu tư từ năm 2013 với tổng vốn đầu tư là 484 tỷ đồng. Đến hết năm 2015 Vinh Hoàn Collagen 5 đã giải ngân khoảng 90% vốn đầu tư. Trong Cuối quý 1 năm 2015, nhà máy Collagen chính thức đi vào hoạt động với công suất thiết kế 2,000 tấn thành phẩm/năm (1,000 tấn collagen peptide và 1,000 tấn gelatin).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	4.357	4.492	-3%
Doanh thu thuần	6.493	6.292	3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (*)	389	407	-4%
Lợi nhuận khác	(2)	(3)	-33%
Lợi nhuận sau thuế	321	312	3%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	323	288	12%

(*): Không bao gồm lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng Công ty CP TATS Vinh Hoàn 1 trong năm 2014.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
1. NHÓM CHỈ TIÊU THANH TOÁN		
Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,57	1,23
Hệ số thanh toán nhanh		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,85	0,66
2. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN		
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,52	0,58
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,09	1,39
3. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG		
Vòng quay hàng tồn kho	4,13	4,29
Giá vốn hàng bán	5.691	5.469
Hàng tồn kho bình quân	1.377	1.276
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,49	1,40
4. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI (**)		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,97%	4,58%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,53%	17,27%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,4%	8,18%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,99%	6,47%

(**): Không bao gồm lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng Công ty CP TATS Vinh Hoàn 1 trong năm 2014.

PHÂN TÍCH VỀ TÀI SẢN

Nhờ nỗ lực phát triển thị trường, Vinh Hoàn vừa tăng trưởng doanh thu vừa duy trì được biên lợi nhuận nên lợi nhuận của ngành nghề chính tăng trưởng tốt trong năm 2015. Các chỉ số về thanh khoản và cơ cấu nợ phản ánh theo hướng tích cực và an toàn. Chỉ số về hàng tồn kho tương đương năm 2014, đến cuối năm 2015 thì tồn kho giảm thấp hơn cùng kỳ 2014, phản ánh xu hướng tăng trưởng bán hàng trong năm 2016.

Tổng tài sản không có thay đổi lớn so với năm 2014 tuy nhiên cơ cấu trong từng khoản mục có sự khác biệt, cụ thể như sau:

Tài sản ngắn hạn

- Các khoản đầu tư ngắn hạn giảm đáng kể, hầu như không còn do chúng tôi cơ cấu lại nợ vay vào thời điểm cuối năm.
- Các khoản phải thu ngắn hạn bình quân tăng 70%, trong đó một phần tăng do sự gia tăng doanh thu bán hàng vào cuối năm và hàng đi đường chiếm thời gian dài hơn.
- Nợ phải thu được quản lý rất tốt qua nhiều năm, phần lớn khách hàng thanh toán đúng hạn. Năm 2015, Vinh Hoàn không có phát sinh khách hàng có nợ khó đòi.

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Biến động
Vòng quay các khoản phải thu	6,83	11,13	(4.30)
Doanh thu thuần bán hàng hóa	6.493	6.292	3,2%
Các khoản phải thu bình quân	951	565	68,1%
Số ngày thu tiền bình quân	53,4	32,8	20,6

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối năm giảm 11% chủ yếu là do việc gia tăng bán hàng vào cuối năm 2015.

Vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ là do việc bán Vinh Hoàn Feed và mua Vạn Đức Tiền Giang (vòng quay của mặt hàng thức ăn thủy sản nhanh hơn vòng quay của mặt hàng cá tra). Vòng quay hàng tồn kho của Vinh Hoàn được đánh giá là tốt hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Biến động
Vòng quay hàng tồn kho	4,13	4,29	(0,15)
Giá vốn hàng bán	5.691	5.469	4.1%
Hàng tồn kho bình quân	1.377	1.276	7,9%
Số ngày lưu kho bình quân	88,3	85,2	3,2

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn tăng 10% chủ yếu từ việc mua sắm mới máy móc thiết bị, đầu tư xây dựng nhà máy Collagen, vùng nuôi cá , nhà máy chế biến phụ phẩm cho Công ty mẹ và đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cá tra cho Vạn Đức Tiền Giang.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tình hình nợ hiện tạiĐvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Biến động
Nợ ngắn hạn	1.819	2.534	-28%
Vay và nợ ngắn hạn	1.334	2.036	-34%
Nợ dài hạn	449	71	530%
Tổng nợ phải trả	2.268	2.605	-13%
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,52	0,58	(0,10)
Đòn bẩy tài chính (Tổng tài sản/vốn chủ sở hữu)	2,10	2,40	(0,30)

TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT CHI PHÍ

Trong áp lực kinh doanh ngày càng cạnh tranh, kiểm soát chi phí chính là một yếu tố mà Vĩnh Hoàn đã và đang tiếp tục phát huy.

Cụ thể, năm 2015 Công ty đã thực hiện thường xuyên việc kiểm soát chi phí, tránh thất thoát và lãng phí để làm sao sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả, đồng thời có biện pháp quản lý và khuyến khích giảm định mức tiêu hao các yếu tố đầu vào như nguyên liệu, năng lượng, vật tư và bao bì, đặc biệt là tăng tối đa năng lực sản xuất.

Kết quả đạt được của những nỗ lực này được thể hiện qua cơ cấu chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm nhiều so với năm 2014.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu có tăng so với năm 2014 là do Công ty đã bắt đầu phát triển sang các thị trường ngoài Mỹ với mức giá bán ban đầu phải cạnh tranh hơn so với các thị trường truyền thống.

Tỷ trọng “net” chi phí hoạt động tài chính có tăng so với năm 2014 chủ yếu do thay đổi trong cách hạch toán kế toán về tỷ giá năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TỶ TRỌNG CHI PHÍ/DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	%tăng/giảm
Giá vốn hàng bán	87,64%	86,92%	0,72%
Chi phí bán hàng	3,89%	3,90%	-0.01%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,81%	2,57%	-0,76%
“Net” chi phí hoạt động tài chính (*)	0,67%	-0,58%	1,25%
Tổng cộng	94,01%	92,81%	1,2%

(*) : Đã loại trừ lợi nhuận chuyển nhượng Công ty CP TATS Vĩnh Hoàn 1

TỒN KHO

Tồn kho cuối năm 2015 giảm 10% về giá trị so với cuối năm 2014 chủ yếu do thành phẩm giảm. Mức tăng số tuyệt đối tồn kho trong hoạt động nuôi trồng là hợp lý với mức tăng trưởng doanh thu và tăng tỷ lệ nuôi trồng khép kín của công ty.

Hàng tồn kho	Cuối năm 2015	Cuối năm 2014
Nguyên liệu, vật liệu	74.564.312.624	107.132.569.320
Công cụ, dụng cụ	8.154.634.679	6.087.445.381
Chi phí SX, kinh doanh dở dang	795.921.774.926	698.479.229.636
Thành phẩm	476.134.366.927	674.249.388.095
Hàng hóa	964.785.087	3.537.000
Hàng gửi đi bán	8.000.965.141	23.710.934.849
Cộng	1.363.740.839.384	1.509.663.104.281

THAY ĐỔI VỀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Không có thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm 2015.
Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 là **924.039.430.000** đồng.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tỷ lệ cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 8/5/2015 là 15% bằng tiền mặt. Công ty đã thực hiện việc chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt trong năm 2015, đợt 2 với tỉ lệ 5% sẽ được thực hiện chi trả từ sau 11/ 04/2016.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ NUÔI TRỒNG



Năm 2015 là năm Công ty nỗ lực cải thiện năng suất, tăng năng lực sản xuất để giúp phát triển doanh số và quy mô hoạt động. Song song đó Công ty tiếp tục cải thiện hiệu quả quản lý ở nhiều khâu khác nhau thông qua hoạt động rà soát, xây dựng quy trình và bổ sung nhân sự cần thiết để tiết giảm chi phí ở mức tốt nhất, đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng để củng cố thương hiệu Vĩnh Hoàn. Công ty tiếp tục duy trì thực hiện các chứng nhận quản lý chất lượng quốc tế bao gồm BRC, ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, IFS cho nhà máy sản xuất và ISO 17025 cho phòng kiểm nghiệm, đồng thời vượt qua các đợt kiểm tra của những khách hàng và hệ thống phân phối danh tiếng trên thế giới.

Về hoạt động nuôi trồng thủy sản, trong năm 2015 Công ty đã thực hiện việc áp dụng và mở rộng hệ thống chứng nhận bền vững GlobalGap, BAP và ASC cho các vùng nuôi, gia tăng sản lượng cung cấp mặt hàng cá tra đạt chứng nhận quốc tế lên gấp đôi. Ngoài ra, trong năm 2015, công ty Vĩnh Hoàn trở thành công ty đầu tiên đạt chứng nhận BAP 4 sao trên thế giới cho con cá tra. Chất lượng nguyên liệu được cải thiện góp phần vào việc tăng cường hiệu quả cho khâu chế biến.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2015, công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy cán bộ quản lý ở các cấp, tập trung tuyển dụng các vị trí quản lý cho các ngành hàng mới. Công ty cũng đã tập trung trong việc đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề của công nhân sản xuất trực tiếp song song với việc cải tiến nhiều quy trình sản xuất, quy trình vận hành thiết bị qua đó giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí vận hành, giảm định mức chế biến.

Về chính sách, để tạo động lực cho nhân viên, năm 2015 Công ty cũng thực hiện triển khai hệ thống đánh giá năng lực cho cán bộ nhân viên theo KPI (Key performance indicator), bước đầu vẫn còn một số hạn chế tuy nhiên cũng đã phát huy tác dụng qua đó giúp công ty thương xứng đáng cho người có thành tích tốt dựa trên kết quả đóng góp của từng cá nhân.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần tại ngày 31/12/2015

Số lượng cổ phần:	92.403.943 cổ phần
Mệnh giá 1 cổ phiếu:	10.000 đồng
Khối lượng niêm yết:	92.403.943 cổ phần
Khối lượng lưu hành:	92.403.943 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	0
Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng:	91.822.457
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	580.486
Giá trị vốn hóa trên thị trường:	2.698.195.135.600 đồng

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 06/07/2015:
Số lượng cổ đông: 1.349 cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
	Cổ đông sáng lập	45.921.765	49,697%	5	0	5
2	Trong nước	45.921.765	49,697%	5		5
	Nước ngoài	0		0		
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	13.984.075	15,134%	1	1	0
3	Trong nước					
	Nước ngoài	13.984.075	15,134%	1	1	
	Công đoàn Công ty	20.533	0,022%	1	1	
4	Trong nước	20.533	0,022%	1	1	
	Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
	Cổ đông khác	32.477.570	35,146%	1.342	69	1.273
7	- Trong nước	20.326.561	21,997%	1.244	29	1.215
	- Nước ngoài	12.151.009	13,150%	98	40	58
TỔNG CỘNG		92.403.943	100,00%	1.349	71	1.278
	Trong đó: - Trong nước	66.268.859	71,716%	1.250	30	1.220
	- Nước ngoài	26.135.084	28,284%	99	41	58

Giao dịch cổ phiếu quỹ, cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

BÁO CÁO GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 08/05/2015, các cổ đông đã thông qua việc từ nhiệm của Ông Huỳnh Đức Trung và nhất trí bầu bổ sung Bà Trương Tuyết Hoa vào thành viên Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT").



Bà Trương Thị Lệ Khanh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1961
Chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Sở hữu VHC*: 45.575.142 cổ phần, chiếm 49,32%

Là người sáng lập Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 19 năm giữ vị trí Giám Đốc và Tổng Giám đốc, đồng thời là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kể từ khi Công ty chuyển đổi sang mô hình cổ phần từ năm 2007. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vĩnh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Với quy mô ngày càng lớn của Công ty và định hướng phát triển trong tương lai, bà giao quyền điều hành và đặt trách nhiệm cho các cán bộ quản lý cấp cao đối với từng hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo đạt được các chiến lược đề ra.



Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị

Năm sinh: 1979
Chuyên môn: Cử nhân luật; Thạc sĩ quản trị kinh doanh Maastricht school of Management
Sở hữu VHC*: 108.349 cổ phần, chiếm 0,12%

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động bán hàng và tiếp thị của Công ty, quản lý đội ngũ bán hàng ở nước ngoài, đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn.



Ông Võ Phú Đức
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Giám Đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen

Năm sinh: 1976
Chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Sở hữu VHC*: 1.378.341 cổ phần, chiếm 1,49%

Ông Võ Phú Đức điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Vĩnh Hoàn Collagen. Trong năm 2015 ông đã xuất sắc lãnh đạo đội ngũ Công ty để nhà máy Collagen và Gelatin đi vào hoạt động đúng tiến độ, đạt các yêu cầu kỹ thuật và công nghệ cao.



Ông Jean Eric Jacquemin
Ông Jean Eric Jacquemin là đại diện quỹ đầu tư Red River Holding.
Sở hữu VHC*: 13.984.075 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15,13%.

Ông Jean Eric Jacquemin được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2011 tới nay, ông có những đóng góp tích cực về mặt định hướng chiến lược và quản trị Công ty.



Bà Trương Tuyết Hoa
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Năm sinh: 1976
Chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ quản trị kinh doanh Maastricht school of Management
Sở hữu VHC*: 56.907 cổ phần, chiếm 0,061%

Bà Trương Tuyết Hoa giữ nhiệm vụ Trưởng Phòng Kinh Doanh của Công ty, đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động quan hệ nhà đầu tư của Vĩnh Hoàn.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2015
HĐQT họp chính thức định kỳ hàng quý và thường xuyên họp mặt, gọi điện thoại để trao đổi nhanh tình hình hoạt động của Công ty. Số lượng cuộc họp HĐQT trong năm 2015 được ghi nhận như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên HĐQT	2/4	100%	Bận công tác nước ngoài
4	Ông Võ Phú Đức	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
6	Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên HĐQT	2/4	100%	Bận công tác nước ngoài



*Số lượng cổ phiếu sở hữu được căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/07/2015

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2015

Trong năm 2015, hoạt động cụ thể của Hội Đồng Quản Trị trong việc giám sát ban điều hành Công ty thực hiện mục tiêu kinh doanh do cổ đông đề ra bao gồm:

- Tổ chức thành công Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2015 vào ngày 08/05/2015;
- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2015, và kế hoạch kinh doanh năm 2015;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và năm 2015;
- Thông qua quyết toán mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014 và kế hoạch thù lao năm 2015;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 (đơn vị được chọn: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C);
- Thông qua các chương trình vay vốn năm 2015;
- Thảo luận kết quả kinh doanh hàng quý và chất vấn Ban điều hành về kế hoạch cho quý tiếp theo;
- Thông qua tình hình hoạt động của các công ty con và chất vấn kế hoạch doanh thu lợi nhuận cho các mảng kinh doanh mới;
- Thảo luận và tư vấn về tuyển dụng nhân sự cấp cao và cải thiện sơ đồ tổ chức;
- Thảo luận về các thách thức trong tương lai trong bối cảnh “Farm Bill”, chất vấn và giám sát việc thực hiện các kế hoạch ứng phó trung và dài hạn;
- Thống nhất công việc, phân công công việc và chương trình làm việc của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát.

Trong năm 2015, Hội Đồng Quản Trị đã ban hành các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết ngày 10/01/2015 về việc nhận chuyển nhượng cổ phần đợt 2 (240.000 cổ phiếu, tương đương 0,94% vốn điều lệ) tại Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang; Nghị quyết ngày 27/01/2015 về việc đổi tên Công ty Vinh Hoan Singapore Pte Ltd thành Công ty Octogone Holdings Pte. Ltd. tại Singapore;
- Nghị quyết ngày 16/06/2015 về việc tạm ứng cổ tức năm 2015 (tiền mặt, tỷ lệ 10%/mệnh giá);
- Nghị quyết ngày 30/07/2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất thực phẩm chức năng; xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng; sản xuất mỹ phẩm; xuất nhập khẩu mỹ phẩm; xuất nhập khẩu Gelatine, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm; nhập xuất hóa chất, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất Gelatine, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng;
- Nghị quyết ngày 04/10/2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Nghị quyết ngày 12/12/2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất bột cá; sản xuất dầu mỡ, động thực vật.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH 2015 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG 3 NĂM

Hội Đồng Quản Trị trong năm 2015 đã thực hiện việc giám sát hiệu quả hoạt động của ban điều hành Công ty theo kế hoạch đề ra của các cổ đông. Tổng kết một năm thành công của Vinh Hoàn, đặc biệt trong hoàn cảnh toàn ngành đang giảm sút, bên cạnh việc ghi nhận và khích lệ các thành quả của ban quản lý Công ty, Hội Đồng Quản Trị nhận thấy rằng để tiếp tục vượt qua các thách thức trong thời gian tới và tiếp tục phát triển, cần có bước đánh giá lại và kiện toàn hệ thống điều hành lên một tầm mới. Hội Đồng Quản Trị đánh giá cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và đạo đức của bộ máy quản lý Công ty. Chúng tôi cho rằng Công ty đã được dẫn dắt bởi những con người giàu kinh nghiệm và có trách nhiệm. Với vai trò đại diện cho các cổ đông vừa giám sát vừa hỗ trợ định hướng cho ban điều hành Công ty, chúng tôi nhận định rằng cái cần thay đổi không phải chỉ để làm tốt trong tương lai mà còn để sẵn sàng cho những bước phát triển vượt bậc, đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư.

Thứ nhất, Vinh Hoàn đã có những tiến bộ đáng kể trong quản trị doanh nghiệp. Các buổi họp Hội Đồng Quản Trị không chiếm nhiều thời gian nhưng hiệu quả, tập trung vào phân tích kết quả nhưng quan trọng hơn nữa là thảo luận kế hoạch cụ thể cho khoảng thời gian tiếp theo. Nhờ vậy toàn bộ bộ máy Công ty mới bám sát vào các chỉ tiêu mà cổ đông đề ra và hoàn thành vào cuối năm. Sắp tới việc cần làm là phải đặt ra thêm các mục tiêu để tiếp tục cải tiến quản trị doanh nghiệp với các định hướng sau:

- Lập kế hoạch và thông tin đến cổ đông về tương lai xa hơn, giúp cổ đông ngày càng tin tưởng vào sự phát triển của Công ty, đồng thời giúp Công ty luôn hiện thực hóa kế hoạch như từ trước tới nay. Điều này sẽ gia tăng tính minh bạch trong quan hệ với các cổ đông, đồng thời Hội Đồng Quản Trị cũng có thể thực hiện tốt hơn nữa vai trò định hướng chiến lược cho Công ty.
- Gia tăng vai trò của Hội Đồng Quản Trị trong việc đề ra các mục tiêu hoạt động và theo dõi thực hiện đối với các dự án kinh doanh mới. Chuyên môn hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư.

Tiếp đến, như đã nêu trong phần phân tích SWOT của bản báo cáo này, để mở rộng phát triển thêm trong tương lai, Vinh Hoàn cần bổ sung nhanh chóng lực lượng quản lý đặc biệt cho các dự án mới. Trong năm vừa qua, Hội Đồng Quản Trị nghe báo cáo rất sâu sát về các dự án mới này và cũng có nhiều tư vấn về tổ chức quản lý để có người chịu trách nhiệm đầy đủ về hiệu quả kinh doanh của từng ngành hàng. Trong thời gian tới chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện vai trò này một cách hiệu quả.

Về kết quả kinh doanh năm 2015, được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, ban điều hành Công ty đã thực hiện chiến lược tập trung nâng cao năng lực sản xuất cốt lõi, nỗ lực cho dự án collagen và các bước đa dạng hóa sản phẩm và thị trường thủy sản.

NGÀNH NGHỀ CỐT LÕI

Như đã báo cáo ở trên, về mảng kinh doanh cốt lõi là các sản phẩm cá tra, ban điều hành Công ty hoàn thành các kế hoạch nuôi trồng, sản xuất và bán hàng, đem lại mức lợi nhuận theo đúng mong đợi của các cổ đông. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2015 tăng 3% so với năm 2014, trong đó có sự đóng góp đáng kể từ doanh thu bán các sản phẩm cá tra và phụ phẩm có liên quan. Chỉ riêng doanh thu bán các sản phẩm thủy sản và bột mỡ cá, toàn công ty đạt 6.229 tỷ đồng, tăng trưởng gần 16 % so với năm 2014. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế nếu loại bỏ lợi nhuận từ bán Vĩnh Hoàn Feed năm 2014 thì năm 2015 tăng trưởng ấn tượng ở mức 12%.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	% tăng trưởng
Doanh thu hợp nhất	6.292	6.493	3%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	288*	323	12%

(*) : Đã loại trừ lợi nhuận chuyển nhượng Công ty CP TATS Vĩnh Hoàn 1

Ngoài lợi thế thuế suất chống bán phá giá 0% tại Mỹ và thế mạnh về tên tuổi ở thị trường Châu Âu, Công ty đã chủ động tăng cường lực lượng bán hàng và marketing tại các thị trường chính và mới, đặc biệt là nhân viên bán hàng người bản xứ. Có thể nói rằng đội ngũ quản lý của Vĩnh Hoàn đã chuẩn bị tốt cho các rủi ro có thể có do Farm Bill. Cách Công ty mở rộng mạng lưới và quan hệ khách hàng có thể chưa tạo được doanh số lớn ngay lập tức nhưng sẽ giúp cho bước chuyển đổi dễ dàng trong tương lai nếu có sự gián đoạn của hoạt động xuất khẩu sang Mỹ. Tổng trị giá xuất khẩu của Công ty năm 2015 đạt 250 triệu USD, tăng 7% so với năm 2014, trong đó riêng doanh số xuất khẩu thủy sản tăng 15%. Đây là một năm liên tiếp trong gần 10 năm qua Công ty luôn tăng trưởng ở mức hai con số về trị giá xuất khẩu thủy sản, ngày càng mở rộng thị trường, gia tăng một cách ổn định thị phần ở nước ngoài và trong toàn ngành.

Biên lợi nhuận gộp của Công ty ổn định so với 2014. Đó là thành tích đáng khen ngợi, thể hiện rõ phân khúc thị trường mà Công ty đang có thế mạnh trong bối cảnh một số thị trường lớn có giá bán rất nhanh hơn tốc độ giảm giá của nguyên liệu đầu vào. Cùng với các chiến lược marketing được hỗ trợ mạnh mẽ từ bộ phận sản xuất và chiến lược phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng, chúng tôi tin rằng Vĩnh Hoàn sẽ tiếp tục thành công trong nhiều năm tiếp theo.

ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM

CÁC LOÀI THỦY SẢN KHÁC:

Ngoài cá tra, Vĩnh Hoàn hiện nay có thể sản xuất và bán cá chẽm, cá tilapia và tôm. Cá chẽm là sản phẩm ổn định và có nhiều tiềm năng mở rộng trong tương lai. Điểm đặc biệt của con cá này là tuy là sản phẩm nuôi trồng nhưng có vị ngon như cá biển. Công ty sẽ cải thiện hiệu quả nuôi cá chẽm, giúp con cá này cạnh tranh hơn ở thị trường cá thịt trắng giúp đóng góp vào doanh số chung nhiều hơn trong các năm tới. Tilapia là sự khởi đầu khá thuận lợi vì Vĩnh Hoàn có thị trường Mỹ, vốn là thị trường nhập khẩu tilapia nhiều nhất thế giới. Vấn đề gia tăng doanh thu từ tilapia đối với Vĩnh Hoàn chỉ là vấn đề thời gian vừa để bán thêm hàng, vừa để xây dựng được vùng nguyên liệu có chứng nhận. Với sản phẩm tôm, ngoài việc hỗ trợ Cửu Long Seapro mà Vĩnh Hoàn là cổ đông chiến lược trong việc xây dựng vùng nuôi đạt được các chứng nhận bền vững, Vĩnh Hoàn chỉ riêng tận dụng kênh bán hàng hiện tại cũng đã có thể tạo ra được thêm doanh thu cho bản thân Công ty mẹ. Lợi thế của sản phẩm tôm của Cửu Long Seapro khi đặt dưới thương hiệu Vĩnh Hoàn chính là uy tín của Vĩnh Hoàn trong khả năng cung cấp sản phẩm có chứng nhận và được khai thác bền vững. Chiến lược của Vĩnh Hoàn đối với mảng kinh doanh tôm là làm sao giảm thiểu được rủi ro bị ảnh hưởng bởi những khó khăn của ngành tôm về nguồn nguyên liệu trong khi vẫn phát triển được doanh thu và thu về lợi nhuận cho Công ty mẹ. Công ty đặt kế hoạch về doanh thu của các loài thủy sản mới này cho Công ty mẹ những năm tới như sau:

ĐVT : Triệu USD			
	2016	2017	2018
Cá chẽm	3,00	4,00	5,00
Cá tilapia	3,00	6,00	11,00
Tôm	2,00	5,00	5,00
Tổng cộng	8,00	15,00	21,00



COLLAGEN

Cuối quý 1 năm 2015, nhà máy Collagen chính thức đi vào hoạt động với công suất thiết kế 2.000 tấn thành phẩm/năm (1.000 tấn collagen peptide và 1.000 tấn gelatin). Trong năm 2015, Vinh Hoàn Collagen đã hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng với các chứng nhận như ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, GMP-WHO, Chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Bộ Y tế - các chứng nhận cần thiết để có thể bán nội địa cũng như xuất khẩu nguyên liệu cho các công ty thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm, đạt được chứng nhận HALAL để tiến tới tiếp cận các thị trường Hồi Giáo. Trong thời gian thực hiện các chứng nhận này và đăng ký thủ tục được chấp thuận tại nước nhập khẩu, Công ty có được nhiều khách hàng đã “pass” giai đoạn thử mẫu và mua đơn đầu tiên để họ sản xuất thử. Doanh thu năm 2015 có khiêm tốn, chỉ đạt khoảng 26 tỷ đồng và chưa thu được lợi nhuận, nhưng trong khoản doanh thu này có đóng góp của khá nhiều các khách hàng đã mua thử vài trăm kg nên đây là kết quả đáng khích lệ, làm tiền đề cho doanh thu đã bắt đầu đẩy mạnh từ quý I năm 2016. Chúng tôi tin tưởng ban lãnh đạo Vinh Hoàn Collagen sẽ gặt hái được doanh thu và lợi nhuận, giúp dự án hoàn vốn vào khoảng đầu năm 2019.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Hội Đồng Quản Trị thống nhất chiến lược tập trung vào ngành hàng cốt lõi với kế hoạch tăng quy mô và thị phần trong những năm tới, mở rộng phát triển ở những ngành hàng có liên quan mang tính bổ trợ, cộng hưởng với ngành hàng chính và có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao. Hội Đồng Quản Trị sẽ tiếp tục trao đổi thông tin, tư vấn cho ban điều hành liên quan đến các chiến lược trung và dài hạn, đặc biệt chú trọng đến quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp để Công ty có thể phát triển bền vững nhất, tiếp tục mang lại giá trị tốt nhất cho cổ đông trong tương lai.

Các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong năm 2016 như sau:

Kế hoạch Doanh thu và lợi nhuận

(tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2014	THỰC HIỆN NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016
DOANH THU HỢP NHẤT	6.292	6.493	7.689
* Thủy sản và bột mỡ	5.363	6.229	7.336
* Thức ăn + khác (#)	527	201	203
* Gạo	402	37	12
* Collagen và Gelatin	-	26	138
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ	439	323	350
* Thủy sản và bột mỡ	246	334	352
* Thức ăn + khác (#)	63	20	10
* Gạo	(13)	(20)	(12)
* Lợi nhuận từ bán Công ty CP TATS Vinh Hoàn 1	151	-	-
* Collagen và Gelatin	(8)	(11)	0
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ	288	323	350
(Không bao gồm lợi nhuận bán công ty con)			

(#) : Doanh thu và lợi nhuận thức ăn thủy sản năm 2014: bao gồm chủ yếu hoạt động sản xuất của Công ty CP TATS Vinh Hoàn 1

Doanh thu và lợi nhuận thức ăn năm 2015: bao gồm chủ yếu hoạt động kinh doanh thức ăn của Công ty Cổ phần Vinh Hoàn.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Trong năm 2016 Ban điều hành Công ty có kế hoạch đầu tư như sau:

Đầu tư xây dựng mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản và xưởng bột mỡ cá: **495** tỷ đồng

Đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị nhà máy Vinh Hoàn 5 cho các hạng mục còn lại: **20** tỷ đồng

Đầu tư xây dựng và mở rộng vùng nuôi: **65** tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 08/05/2015, các cổ đông đã thông qua việc từ nhiệm thành viên ban kiểm soát của bà Trương Tuyết Hoa và nhất trí bầu bổ sung Bà Nguyễn Thị Thái Ly vào thành viên Ban Kiểm Soát ("BKS").

Các thành viên BKS hiện nay :



Phạm Lâm Triều
Trưởng BKS
1982



Trần Minh Hảo
Thành viên BKS
1980



Nguyễn Thị Thái Ly
Thành viên BKS
1988

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

Đồng hành với Công ty thực hiện nhiệm vụ 2015 mà Đại hội đồng Cổ đông giao phó, Ban Kiểm Soát báo cáo hoạt động kiểm soát trong năm 2015 với các nội dung như sau:

PHẠM VI KIỂM SOÁT

Công việc Ban Kiểm Soát đã thực hiện trong năm 2015 như sau:

1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty thông qua việc xem xét và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch của Công ty trong năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc Công ty;
3. Đánh giá tính tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan đến ngành cũng như các quy định về quản trị doanh nghiệp thông qua việc giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;
4. Kiểm tra các Báo cáo tài chính định kỳ để đánh giá tính hợp lý, minh bạch của các số liệu tài chính; tham gia quá trình thực hiện kiểm toán và xem xét các khuyến nghị của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao việc quản lý của Công ty.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Phân phối lợi nhuận 2014: Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: **20.000.000.000** đồng
- Tạm ứng cổ tức năm 2015: **92.403.943.000** đồng

Thực hiện chỉ tiêu năm 2015: Tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2015 đạt 250 triệu USD, trong đó ngành hàng cốt lõi là thủy sản đạt 234 triệu USD đạt 98 % so với kế hoạch 2015 đề ra 240 triệu USD. Lợi nhuận sau thuế đạt 323 tỷ đồng, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận 320 tỷ đồng đề ra tại Đại hội đồng cổ đông.

Tình hình đầu tư tài sản: Tổng chi phí cho hoạt động đầu tư mua sắm tài sản cố định trong năm 2015 là 348 tỷ đồng.

2. Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Giám sát tình hình tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2015, giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam đạt 1,58 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2014. Trong bối cảnh đó, doanh thu toàn Công ty trong năm 2015 vẫn tăng 201 tỷ đồng so với năm 2014 tương đương 3%. Lợi nhuận sau thuế đạt 323 tỷ đồng, giảm 26,6% so với năm 2014; trong đó nếu loại trừ khoản doanh thu tài chính bất thường 151 tỷ đồng phát sinh do bán Công ty con Vĩnh Hoàn 1 vào tháng 07/2014, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bình thường đã tăng trưởng 12%. Chỉ số EBITDA năm 2015 đạt 8,7%, ROA đạt 7.3%, ROE đạt 16.4%. Các chỉ số thanh toán và đảm bảo lãi vay cũng được cải thiện trong năm 2015.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2015, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập và các công việc do Ban kiểm soát Công ty thực hiện trên cơ sở các báo cáo này, xét trên phương diện trọng yếu, Ban kiểm soát Công ty không thấy có bất cứ vấn đề nào có thể ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ban kiểm soát Công ty cũng chưa thấy có bất cứ vấn đề nào nghiêm trọng trong công tác lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán cũng như việc tuân thủ các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Trong năm 2016, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục hoàn thiện quy trình làm việc, tăng cường các hoạt động giám sát theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Xây dựng và duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán.

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục theo dõi việc hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro của Ban điều hành để đáp ứng yêu cầu quản trị và đạt được mục tiêu chiến lược của Công ty trong thời kỳ hội nhập mới.

KẾT LUẬN

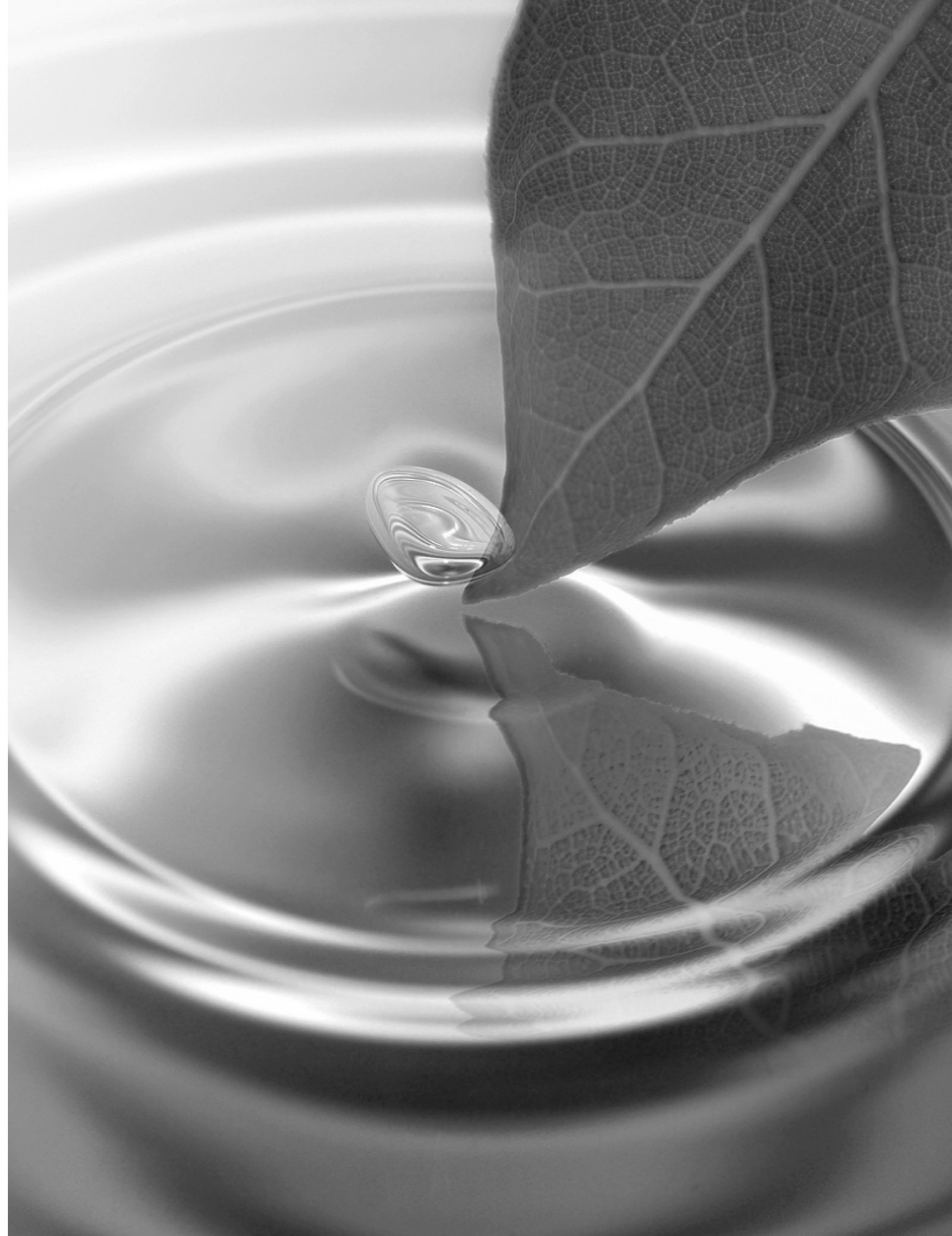
Vĩnh Hoàn - một tập đoàn thực phẩm hàng đầu, với định hướng nhất quán về chiến lược phát triển bền vững, cùng với những thành công trong những năm qua, chúng tôi tin tưởng thương hiệu Vĩnh Hoàn sẽ ngày càng khẳng định giá trị trong tương lai.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững

Trách nhiệm cộng đồng năm 2015



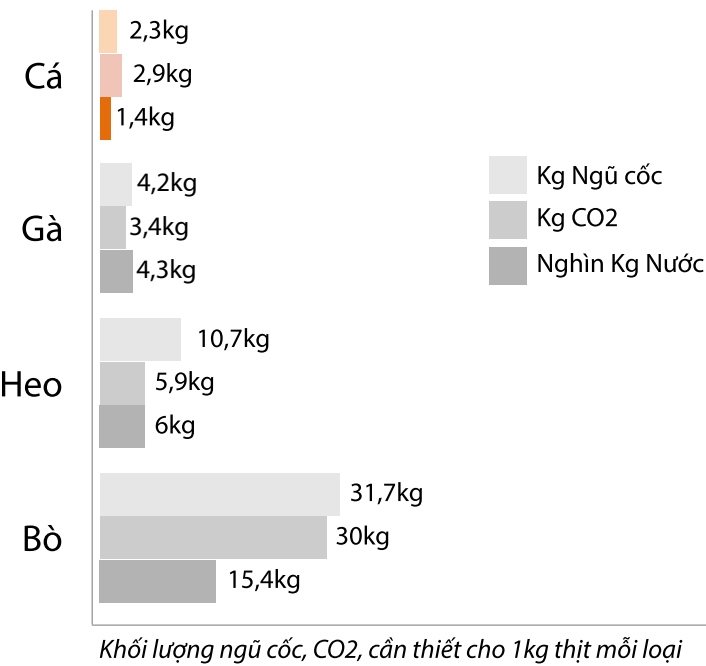
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nuôi trồng thủy sản là phát triển bền vững

Theo Ban dân số của Ủy Ban Liên Hiệp Quốc, mỗi ngày có thêm 200.000 người cần bổ sung vào tổng nhu cầu thực phẩm trên toàn thế giới. Dân số thế giới dự kiến đạt 9,2 tỷ người vào năm 2050. Hoạt động sản xuất thực phẩm cần tăng thêm 60% vào năm 2030 để đáp ứng đủ cho lượng người ăn ngày càng tăng. Mặc dù các báo cáo phân tích cho thấy tỷ lệ dân số đô thị sẽ gia tăng đáng kể, phản ánh xu hướng ăn nhiều sản phẩm thịt sữa nhưng xu hướng này được ghi nhận vì nguồn cung dồi dào của các loại thực phẩm này ngày nay. Xu hướng này rất có thể sẽ phải thay đổi trong tương lai do những thách thức trong ngành sản xuất các loại thịt cho con người. Các thách thức này bao gồm biến đổi khí hậu, khan hiếm nước, động vật gây hại, đất đai bạc màu, thiếu hụt nguồn cung và tài chính. Cơ cấu thực phẩm trong bữa ăn của con người còn có nhiều khả năng sẽ thay đổi khi người ta ngày càng cân nhắc nhiều hơn mối liên hệ giữa nguồn dinh dưỡng tiêu thụ với các ảnh hưởng đến môi trường hay rộng hơn là các yếu tố bền vững. Một khi tính bền vững ngày càng trở nên quan trọng thì thủy sản nói chung hay cá nói riêng chắc chắn sẽ tăng tỷ trọng trong bữa ăn hàng ngày của mọi người. Thủy sản nói chung hay cá nói riêng là loại thực phẩm duy nhất còn sót lại mà con người vẫn còn “săn bắt” từ tự nhiên. Nhiều báo cáo cho thấy số loài và số lượng cá đánh bắt ngày càng thu hẹp. Bên cạnh sự hạn hẹp này, các chuyên gia cũng tính toán và kêu gọi sự quan tâm của người tiêu dùng lượng nhiên liệu phải tiêu hao để thực hiện các hoạt động đánh bắt trên biển. Do đó nuôi trồng thủy sản được chứng minh là xu hướng sản xuất bền vững hơn cho tương lai. Xét trong ngành nuôi trồng thì nuôi cá lại bền vững hơn nhiều so với các ngành chăn nuôi khác.

Một trong những ví dụ về tính bền vững của cá so với các loại thịt khác là mức độ tiêu hao một số nguồn lợi tự nhiên để sản xuất ra một kg cá thấp hơn nhiều so với các tiêu hao để có được một kg thịt.

Bảng chuyển đổi một số nguồn lợi tự nhiên thành các loại đạm



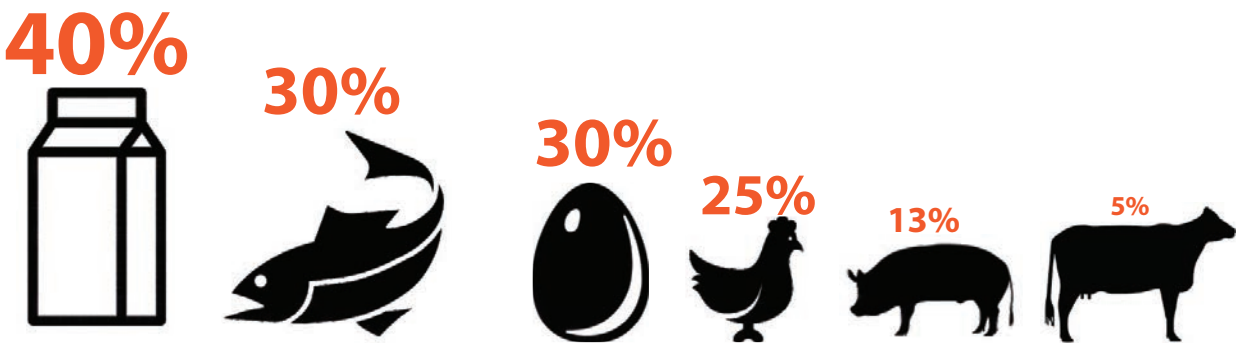
Nguồn: Hall, et al. 2011, Blue Frontiers

http://image.guardian.co.uk/sys-files/Guardian/documents/2013/06/13/World_Populations_WEB.pdf
http://www.fao.org/fileadmin/templates/wsfs/docs/expert_paper/How_to_Feed_the_World_in_2050.pdf

Ngoài ra cá còn chuyển đổi một lượng lớn hơn nguồn thức ăn mà nó ăn vào thành trọng lượng cơ thể nhiều hơn so với các loại gia cầm gia súc nên mức tiêu hao nguồn lợi từ môi trường để sản xuất ra một đơn vị protein thấp hơn.

Với các lợi thế này, nuôi trồng thủy sản có thể sẽ là một đối thủ đáng kể của các ngành chăn nuôi gia cầm, gia súc trong tương lai.

Hiệu quả thu hồi đạm của một số loại thực phẩm



Nguồn: Hall, et al. 2011, Blue Frontiers

Ngoài ra dấu chân carbon (“carbon footprint”) của cá cũng là một lợi thế so với các vật nuôi khác. Trong các nghiên cứu so sánh giữa nuôi cá hồi và các hoạt động sản xuất thịt khác, carbon footprint của cá hồi là 2,9 trên 1kg sản phẩm ăn được, trong khi đó con số này là 3,4 và 5,9 cho gà và heo. Carbon footprint của các loại động vật ăn cỏ còn cao hơn, lên tới mức 30.

Như đã trình bày ở phần trên tỷ lệ cá trong bữa ăn của chúng ta còn thấp so với các loại đạm thịt một phần vì lượng cung thịt còn cao. Cá chiếm 16,6% trong tổng lượng protein động vật và 6,5% tổng lượng protein các loại mà con người tiêu thụ. Tỷ lệ này sẽ tăng trong tương lai vì thu nhập tăng làm người tiêu dùng có nhu cầu các loại thủy sản có giá trị cao và vì ngành nuôi trồng thủy sản đã phát triển, gia nhập vào nguồn cung ứng nhu cầu ngày càng tăng này.

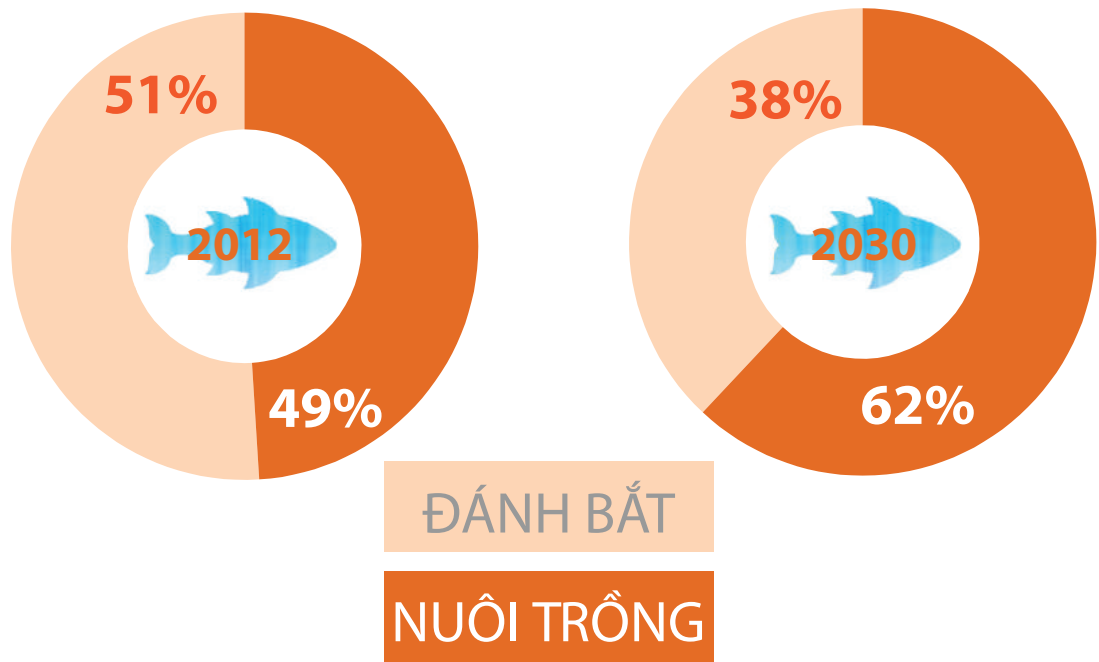
Nếu chỉ có đánh bắt thủy sản thì không thể đáp ứng được các nhu cầu ngày càng tăng trong tương lai. Chính vì vậy mà ngành nuôi trồng thủy sản đã phát triển nhanh trong các thập kỷ qua, giúp sản xuất ra được thêm thực phẩm, giảm giá thủy sản chung và giúp cho nhiều người tiêu dùng tiếp cận được các sản phẩm thủy sản. Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu (Global Aquaculture Alliance) đã có nhận định rằng nuôi trồng thủy sản là một giải pháp bền vững để gia tăng nguồn cung thủy sản, đáp ứng nhu cầu về thực phẩm của dân số toàn thế giới.

Vào năm 2012, nuôi trồng thủy sản chiếm khoảng 49% trên tổng lượng thủy sản toàn cầu và tỷ lệ này sẽ tăng trong tương lai. Tỷ trọng này dự kiến sẽ ngang bằng với thủy sản đánh bắt vào năm 2030. Tuy nhiên vì chỉ một phần thủy sản đánh bắt được con người tiêu dùng trực tiếp nên tính ra dự kiến đến năm này nếu tính trên lượng tiêu dùng thủy sản toàn cầu thì nuôi trồng sẽ chiếm tới hơn 60%.

<http://www.marineharvest.com/globalassets/investors/handbook/handbook-2014.pdf>
<http://www.fao.org/docrep/019/i3640e/i3640e.pdf>
<http://gaalliance.org/what-we-do/why-it-matters/>
<http://www.fao.org/docrep/019/i3640e/i3640e.pdf>

Tiêu thụ thủy sản toàn cầu

Nguồn: FAO FIPS (2014)//Fish to 2030 (2013)



Phát triển bền vững trong một ngành bền vững

Ngay từ năm 2008, khi ngành cá tra chưa có các chứng chỉ nuôi trồng quốc tế được nhiều người biết tới như hiện nay, Vinh Hoàn đã xây dựng được chương trình nuôi cá Green Farm dựa trên những nguyên tắc về bảo vệ môi trường, quan tâm đến cộng đồng xã hội, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Chương trình này chính là nhận thức và hành động đầu tiên của Công ty cho một định hướng phát triển bền vững như ngày hôm nay. Phát triển bền vững được định nghĩa là những điều kiện mà con người và tự nhiên cùng tồn tại hài hòa, con người được thỏa mãn các nhu cầu vật chất trong hiện tại mà không phương hại đến thiên nhiên và cuộc sống của chính con người trong tương lai. Tuy còn phải hoàn thiện thêm, định hướng phát triển của Công ty đã được ban điều hành cùng toàn thể nhân viên thực hiện một cách rộng rãi, nhất quán vì định hướng này vừa là yêu cầu thiết yếu của thị trường, của môi trường kinh doanh, vừa là cơ sở để Công ty tự thay đổi mình, nâng cao năng lực cạnh tranh. Các bước đi của Vinh Hoàn trong quá trình phát triển bền vững đã được hình thành từ các tiêu chuẩn mua hàng ngày càng cao của thị trường nhập khẩu, buộc đội ngũ Công ty phải tự học hỏi để đáp ứng, đồng thời cũng là vì những áp lực phải luôn luôn hoàn thiện và tạo sự khác biệt. Trong hơn 18 năm qua, Vinh Hoàn đã có những bước đi vững chắc nhất ở các lĩnh vực sau trong hành trình phát triển bền vững:

<http://www.fao.org/docrep/019/i3640e/i3640e.pdf>
FAO (2014), The State of World Fisheries and Aquaculture <http://www.fao.org/3/a-i3720e.pdf>
<http://www.nationalgeographic.com/foodfeatures/aquaculture/>

Lao động

Người tiêu dùng ngày càng nhận thức cao về yếu tố con người liên quan đến sản phẩm mà họ tiêu dùng. Các yêu cầu về người lao động và môi trường lao động đang được các hệ thống phân phối và các công ty thương mại trên thế giới quan tâm hơn bao giờ hết. Tuy nhiên bên cạnh các yêu cầu từ thị trường này, là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Vinh Hoàn nhận thức rõ giá trị quan trọng của lực lượng lao động trong việc đạt được các mục tiêu kinh doanh. Đầu tiên và cơ bản nhất là chính sách nhất quán trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về lao động, đặc biệt các chế độ lương thưởng, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Đây là yêu cầu của ban lãnh đạo Công ty đối với bộ phận hành chính nhân sự bất chấp những thách thức trong cạnh tranh về chi phí. Quan điểm cạnh tranh của Công ty về chi phí lao động không phải là cắt giảm cơ học mà làm sao có cơ chế phù hợp nhất để thúc đẩy năng suất lao động, kích thích lao động giỏi và tinh giảm lao động không hiệu quả. Thực hiện được như vậy mới là cạnh tranh bền vững về chi phí nhân công, đảm bảo người lao động được hưởng chế độ lương bổng công bằng để cảm thấy thỏa mãn, đời sống kinh tế ổn định và ngày càng cải thiện để an tâm làm việc hiệu quả lâu dài. Trong năm 2015 Công ty đã tiếp tục vượt qua các kỳ kiểm tra trách nhiệm xã hội của các khách hàng là hệ thống phân phối lớn trên thế giới. Vượt ngoài các tiêu chuẩn, quy định và chứng nhận, Vinh Hoàn còn khác biệt ở cách chăm sóc người lao động. Dù ở khâu trực tiếp hay gián tiếp, chức vụ hay công việc nào thì từng người công nhân viên của Công ty đều cảm nhận được sự quan tâm nhất định đến đời sống, nhu cầu vật chất và tinh thần. Chính vì vậy mà Vinh Hoàn luôn được các khách hàng và khách tham quan đánh giá cao về một tinh thần tập thể cùng hướng mục tiêu chung, thể hiện qua một không khí tập trung trong công việc và quan điểm vì lợi ích của Công ty.

Môi trường

Các yếu tố môi trường chủ yếu liên quan đến hoạt động nuôi và chế biến thủy sản. Đầu tiên là vấn đề xử lý nước thải vốn là một yêu cầu nghiêm ngặt của Nhà nước mà Vinh Hoàn luôn luôn tuân thủ. Đây cũng là một trong những lĩnh vực về chi phí trong vùng “bất khả cắt giảm” của Công ty. Ở hoạt động nuôi trồng, các vùng nuôi của Công ty dù có hay không có chứng nhận đều chuẩn hóa và tuân thủ các quy định liên quan đến:

- Kiểm soát chất lượng nước trong và ngoài ao nuôi;
- Xử lý và kiểm soát chất lượng nước thải;
- Đánh giá đầy đủ các tác động môi trường bởi bên thứ ba độc lập và có biện pháp phòng tránh hoặc giảm thiểu;
- Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái xung quanh vùng nuôi, ví dụ như không để cá thoát ra ngoài đe dọa đến sự sinh tồn của các loài thủy sinh khác, không giết hại động vật hoang dã trong danh sách bảo tồn, không triệt phá các hệ thực vật quan trọng của khu vực;
- Đánh giá, đo lường và xin phép liên quan đến lượng nước sử dụng trong ao nuôi, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến trữ lượng nước của thiên nhiên trong tương lai lâu dài.

Năm 2012 Vinh Hoàn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên nhận chứng nhận nuôi bền vững ASC (Aquaculture Stewardship Council) cho trại nuôi cá tra. Năm vừa qua, Công ty lần nữa lại tiên phong trong các chứng nhận chương trình nuôi trồng bền vững khi là doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận BAP – Best Aquaculture Practice với cấp độ “4 sao” sao cho trại giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến cá tra. Hiện nay Vinh Hoàn là doanh nghiệp có khả năng cung cấp nhiều nhất các sản phẩm cá tra có các loại chứng nhận nuôi trồng bền vững.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với hơn 6000 lao động, phần lớn là người địa phương, Vĩnh Hoàn hiểu rằng ngoài trách nhiệm tri ân cộng đồng xã hội xung quanh, việc quan tâm đến cuộc sống bên ngoài nhà xưởng cũng chính là quan tâm một cách gián tiếp đến đời sống của công nhân viên Công ty. Bởi thế cho nên Công ty không bao giờ chỉ thực hiện tài trợ và hoạt động từ thiện vì danh tiếng mà có sự thông hiểu sâu xa ý nghĩa của sự bền vững, để làm sao người dân được sống an toàn lành mạnh, trẻ em được giáo dục tốt, đó chính là sự đầu tư tốt nhất cho một nguồn nhân sự trong tương lai. Chúng tôi luôn nhất quán quan điểm và cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình đối với ngân sách địa phương và Nhà nước, góp phần vào phát triển kinh tế địa phương và đất nước để Công ty có những điều kiện phụ trợ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong nhiều năm qua, Vĩnh Hoàn được UBND tỉnh Đồng Tháp tuyên dương và tặng bằng khen là “Một trong 10 Doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh đã thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, có đóng góp lớn vào ngân sách, trách nhiệm với cộng đồng”.

Ở phạm vi nuôi trồng, từng vùng nuôi của Công ty đều có những báo cáo đánh giá về tác động xã hội do bên thứ ba độc lập thực hiện, để làm sao có thể phòng tránh và giảm thiểu các tác động tiêu cực của vùng nuôi đến đời sống xã hội xung quanh. Đã có những cây cầu chắc chắn và xinh đẹp được xây dựng cho những làng xóm xa xôi nhất khi Vĩnh Hoàn bắt đầu nuôi cá ở vùng đó. Đã có những con đường quê được thắp sáng xung quanh ao nuôi của Vĩnh Hoàn, ngay cả những hộ dân xung quanh cũng chỉ mới bắt đầu có điện dùng khi Công ty đầu tư đường điện cho vùng nuôi của mình.

Vĩnh Hoàn tri ân các địa phương mà ở đó Công ty đã có những nguồn lực tốt nhất để phát triển kinh doanh. Việc đền đáp là một trách nhiệm liên tục và lâu dài của Công ty đối với xã hội cộng đồng.



TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM - AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Một trong những lý do để Vĩnh Hoàn bắt đầu xây dựng mô hình sản xuất khép kín chính là để đảm bảo một cách tốt nhất an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của Công ty. Việc tuân thủ các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc là yêu cầu tiên quyết của thị trường nhập khẩu, đặc biệt là còn phải đáp ứng một số tiêu chuẩn cao riêng biệt của các hệ thống phân phối lớn trên thế giới. Ở khâu chế biến, sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn về vi sinh và sự không hiện diện dư lượng kháng sinh, đảm bảo chuỗi lạnh để sản phẩm không bị biến chất trong quá trình vận chuyển và lưu kho. Các hồ sơ kiểm soát dây chuyền và thành phẩm đều được thực hiện nghiêm túc, lưu trữ đầy đủ, sẵn sàng cho mọi yêu cầu của khách hàng. Quan điểm xuyên suốt và chủ đạo về quản lý chất lượng của Vĩnh Hoàn chính là kiểm soát quy trình và các mối nguy được phân tích, chứ không chỉ đối phó với việc hàng hóa được thông quan tại cảng đến. Sản phẩm của Công ty được nhận diện trên từng đơn vị bao gói nhỏ đến tay người tiêu dùng, đảm bảo khả năng truy xuất đến tận ao nuôi khi có bất kỳ sự cố hay yêu cầu gì từ người mua. Ở khâu nuôi trồng, hồ sơ được ghi chép đầy đủ liên quan đến sức khỏe cá, nguồn gốc của thức ăn cá, ngay cả nguyên liệu làm nên thức ăn cũng được kiểm soát để đảm bảo độ an toàn và tính bền vững (ví dụ như bột cá dùng trong thức ăn cá không được sản xuất từ nguồn đánh bắt không bền vững). Trách nhiệm với sản phẩm hiện nay còn được mở rộng đến an sinh động vật (animal welfare). Cá phải được nuôi, vận chuyển và chế biến trong điều kiện nhân đạo và không gây stress. Đáp ứng tất cả các yêu cầu và tiêu chuẩn, kiểm soát chặt chẽ đảm bảo không có phát sinh bất kỳ vấn đề nào. Đối với ban điều hành Công ty, việc thực hiện các mục tiêu doanh số và lợi nhuận do cổ đông đề ra mà không làm mâu thuẫn đến sự phát triển của Công ty trong tương lai và môi trường xung quanh đòi hỏi sự thấu hiểu, nỗ lực và kiên định. Tuy nhiên, xét cho cùng khi đã thấu hiểu một cách đúng đắn thì thực hiện chính sách phát triển bền vững không hề mâu thuẫn với mục tiêu lợi nhuận mà ngược lại còn xây dựng và thúc đẩy nhiều hơn khả năng sinh lời của Công ty, đồng thời có sự bảo tồn, ghi nhận và đền đáp thỏa đáng đến cộng đồng, giúp tên tuổi của Vĩnh Hoàn luôn luôn tốt đẹp trong lòng của địa phương, của khách hàng, cổ đông và đối tác.

Phát triển bền vững phải gắn với trách nhiệm cộng đồng

Chúng tôi hiểu rằng đây là sứ mệnh lớn của Công ty, để mang đến sự phát triển bền vững trong hiện tại và tương lai.

Đối với cộng đồng: Với tinh thần luôn hướng tới và mong muốn mang lại lợi ích cho cộng đồng, chúng tôi ý thức sâu sắc về tầm quan trọng đối với trách nhiệm cộng đồng. Hằng năm bên cạnh việc nỗ lực phấn đấu đạt được doanh thu và lợi nhuận trong kinh doanh, chúng tôi luôn giành ra nhiều tâm huyết để chia sẻ về tinh thần và vật chất đến với những cảnh đời khó khăn bất hạnh thông qua các hoạt động từ thiện và xã hội. Trong năm 2015 chúng tôi đã tham gia vào các hoạt động sau:

- Từ năm 2014 phối hợp cùng với Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo tỉnh và Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chương trình “Trái tim nhân ái” cho những bệnh nhân nghèo mắc bệnh tim trong địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đã hỗ trợ mổ tim cho 11 trường hợp với tổng số tiền gần 500 triệu đồng.
- Đồng hành cùng chương trình Bảo hiểm y tế toàn dân, Vĩnh Hoàn đã tích cực hưởng ứng chương trình này thông qua việc tài trợ thẻ Bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo với số thẻ tài trợ là trên 2.000 thẻ.
- Tài trợ xe cứu thương cho Ủy ban MTTQ xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang là xã vùng sâu vùng xa thiếu thốn về điều kiện và phương tiện chuyên chở bệnh nhân nghèo cấp cứu và thăm khám đến các điểm xa với số tiền quyên góp để mua xe tổng cộng trên 600 triệu đồng, trong đó Vĩnh Hoàn hỗ trợ 300 triệu đồng.
- Thông qua chương trình “Nghĩa tình Đồng Tháp” của UBMTTQ tỉnh Đồng Tháp tài trợ kinh phí xây nhà tình thương với số tiền 500 triệu đồng, hỗ trợ xây dựng 02 căn nhà tình thương cho 02 hộ người mù nghèo ở huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, với trị giá mỗi căn nhà là 50 triệu đồng, trong đó địa phương đối ứng thêm một phần kinh phí.
- Tổ chức tặng quà cho người nghèo, người mù trong dịp tết nguyên đán để họ vui xuân đón tết tại nhiều xã, phường trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh, Huyện Cao Lãnh với hơn 1.000 phần quà, mỗi phần trị giá hơn 300.000 đồng bao gồm tiền mặt và 10 kg gạo.
- Công tác khuyến học khuyến tài cũng được đặc biệt quan tâm, trong nhiều năm qua Vĩnh Hoàn đã phối hợp với Hội khuyến học tỉnh và các huyện, thành phố tổ chức trao nhiều đợt học bổng cho sinh viên và học sinh các trường trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền hỗ trợ là gần 300 triệu đồng trong năm 2015 cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp và Huyện Tháp Mười, Tam Nông.

Đối với người lao động: “Quan tâm chăm lo tốt đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, mọi người gắn gũi gắn bó và chia sẻ lẫn nhau cùng hướng đến một mục đích chung là nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín, thương hiệu của Vĩnh Hoàn” - đây là quan điểm nhất quán mà ban lãnh đạo Công ty luôn luôn ưu tiên hàng đầu. Để thực hiện được điều này, chúng tôi đã:

- Không ngừng phát triển nguồn nhân lực với chương trình tuyển dụng - đào tạo - đánh giá hàng năm luôn được ưu tiên thực hiện.
- Chính sách lương thưởng, phúc lợi, chăm sóc sức khỏe, hệ thống an ninh, an toàn lao động tại Công ty ngày càng hoàn thiện và nâng cao, minh bạch và công bằng, người lao động hoàn toàn yên tâm khi làm việc và mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty.
- Trong tháng 4/2015, Công ty cũng đã vận động toàn thể người lao động làm việc tại Công ty trích 01 ngày lương ủng hộ đồng bào nạn nhân bị động đất tại Nepal để thể hiện tinh thần nhường cơm sẻ áo, tương thân tương ái vì cộng đồng của tập thể người lao động trong Công ty.
- Ngoài ra, trong năm 2015 thông qua Quỹ Mái Ấm Công đoàn của Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn Cơ sở Công ty cũng tổ chức cất 03 căn nhà Mái ấm Công đoàn cho 03 đoàn viên Công đoàn nghèo có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có nơi ở khang trang ổn định cuộc sống.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

1.	Báo cáo của Tổng Giám đốc	98
2.	Báo cáo kiểm toán độc lập	101
3.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	102
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	106
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 10 - 11	107
6.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	109
7.	Phụ lục	146

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vinh Hoàn là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
Fax : (84 - 67) 3891 672

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015
Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Lâm Triều	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015
Ông Trần Minh Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2014
Bà Trương Tuyết Hoa	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015

BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2007
Bà Trương Tuyết Phương	Giám đốc mua hàng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc dự án	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Giám đốc kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Số: 0420/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

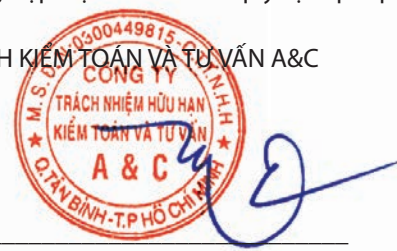
Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

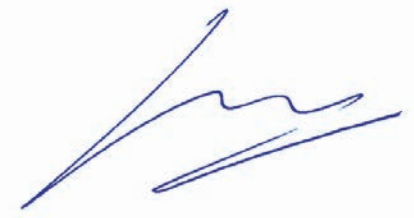
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2.847.043.514.890	3.118.825.508.618
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	296.092.552.290	89.237.664.563
1.	Tiền	111		296.092.552.290	89.237.664.563
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		251.008.141	802.451.008.141
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	251.008.141	802.451.008.141
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.187.504.442.185	713.964.514.286
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	978.387.095.828	555.016.301.366
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	159.150.345.667	89.449.131.841
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	52.112.708.816	78.137.244.435
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.145.708.126)	(8.638.163.356)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		1.299.754.002.665	1.454.624.584.803
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	1.363.740.839.384	1.509.663.104.281
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(63.986.836.719)	(55.038.519.478)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		63.441.509.609	58.547.736.825
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.441.250.870	4.052.962.667
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.034.411.228	53.919.551.759
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	965.847.511	575.222.399
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.509.919.445.197	1.373.138.678.896
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.512.575.108	25.058.272.424
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	2.309.113.483	2.045.847.888
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.203.461.625	23.012.424.536
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.067.275.384.111	1.035.949.139.647
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	942.551.326.564	915.500.248.665
-	Nguyên giá	222		1.606.171.767.565	1.460.364.578.367
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(663.620.441.001)	(544.864.329.702)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	Nguyên giá	225		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	124.724.057.547	120.448.890.982
-	Nguyên giá	228		136.781.493.381	130.634.567.558
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.057.435.834)	(10.185.676.576)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		245.627.838.605	134.252.806.600
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	245.627.838.605	134.252.806.600
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.644.137.246	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	19.547.729.978	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(6.903.592.732)	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		180.859.510.127	177.878.460.225
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	99.291.291.228	83.287.568.218
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	475.225.190	4.050.170.875
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	V.14	81.092.993.709	90.540.721.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		4.356.962.960.087	4.491.964.187.514

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.267.633.647.956	2.605.206.164.864
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.818.696.711.591	2.533.902.252.388
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	198.967.217.140	245.560.157.277
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	12.753.882.180	11.631.558.268
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	36.880.926.693	13.395.750.923
4.	Phải trả người lao động	314	V.18	102.021.990.107	70.592.690.941
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	8.787.501.328	18.864.046.674
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	30.245.351.461	37.704.805.919
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.333.672.541.156	2.035.705.398.842
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	43.100.000.000	43.100.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	52.267.301.526	57.347.843.544
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		448.936.936.365	71.303.912.476
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	438.485.251.553	63.546.765.919
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	10.451.684.812	7.757.146.557
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.089.329.312.131	1.886.758.022.650
I.	Vốn chủ sở hữu	410		2.089.329.312.131	1.886.758.022.650
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	924.039.430.000	924.039.430.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924.039.430.000	924.039.430.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	216.409.744.645	216.409.744.645
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		97.965.256	4.596.414.898
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	936.410.386.828	724.868.688.147
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		613.852.104.651	724.868.688.147
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		322.558.282.177	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	12.371.785.402	16.843.744.960
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4.356.962.960.087	4.491.964.187.514

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2016


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.527.521.103.629	6.300.114.589.793
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	34.130.902.143	7.665.955.244
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.493.390.201.486	6.292.448.634.549
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.690.815.542.792	5.469.173.184.569
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		802.574.658.694	823.275.449.980
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	166.250.211.441	238.197.793.288
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	210.038.171.081	64.703.900.365
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.841.457.042	38.437.879.203
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	252.576.318.983	245.140.954.972
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	117.543.470.973	161.644.877.846
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		388.666.909.098	589.983.510.085
12.	Thu nhập khác	31	VI.8	4.260.707.290	5.441.118.309
13.	Chi phí khác	32		6.259.262.457	8.362.562.424
14.	Lợi nhuận khác	40		(1.998.555.167)	(2.921.444.115)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		386.668.353.931	587.062.065.970
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	59.566.183.722	124.375.704.473
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	6.269.483.940	(227.133.767)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		320.832.686.269	462.913.495.264
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		322.558.282.177	439.152.061.580
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.725.595.908)	23.761.433.684
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.274	4.587
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3.274	4.587

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		386.668.353.931	587.062.065.970
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.14	144.362.412.419	120.830.567.381
-	Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	16.495.622.411	(4.584.173.248)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	4.488.372.158	4.639.431.082
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.5, VI.8	(50.893.736.983)	(210.448.590.756)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.5	36.841.457.042	38.437.879.203
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		537.962.480.978	535.937.179.632
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(74.601.809.419)	(114.481.540.104)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(213.579.935.197)	(216.611.547.401)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		44.605.675.314	31.677.833.432
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		15.738.969.058	(1.961.902.612)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(42.641.806.967)	(39.068.352.211)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(39.429.345.543)	(125.850.606.493)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	8.435.319.176
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VI.6, V.23	(82.520.437.379)	(14.489.454.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20		145.533.790.845	63.586.928.922
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, VII	(348.179.604.430)	(361.515.858.300)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.11, VI.8	12.993.604.862	3.027.265.486
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V. 2a	(180.000.000.000)	(1.132.210.030.563)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V. 2a	982.200.000.000	331.022.158.190
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b, V.II	(47.807.121.404)	(356.600.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	404.022.941.627
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	61.263.924.934	14.840.314.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30		480.470.803.962	(1.097.413.209.345)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	135.765.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.21	8.772.902.300.085	5.957.019.471.672
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(9.099.996.672.137)	(4.875.020.537.130)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(92.371.404.075)	(168.389.466.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		(419.465.776.127)	1.049.374.467.867
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50		206.538.818.680	15.548.187.444
Tiền và tương đương tiền đầu năm		60	V.1	89.237.664.563	73.328.912.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		316.069.047	360.564.348
Tiền và tương đương tiền cuối năm		70	V.1	296.092.552.290	89.237.664.563

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2016



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Mặc dù doanh thu năm nay tăng nhưng lợi nhuận lại giảm đi đáng kể so với năm trước chủ yếu là do năm trước Tập đoàn có lãi từ thoái vốn công ty con.
- Cấu trúc Tập đoàn**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**
Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Octogone Holdings Pte. Ltd (Singapore) với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ và góp vốn thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ. Mục đích của việc góp vốn là xây dựng vùng nuôi thủy sản và cung cấp nguyên liệu cho Công ty mẹ và khai thác thị trường xuất khẩu.

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 09 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đã mua thêm 0,94% vốn của Công ty TNHH một thành viên thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 100% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty TNHH một thành viên thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 292.271.156.875 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 3.382.611.404 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã bán 85% cổ phần tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ). Do chỉ còn nắm giữ 15% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất ở khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” theo giá gốc.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.456.631.361
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	374.672.051.456
Trả trước cho người bán ngắn hạn	849.840.000
Phải thu ngắn hạn khác	909.035.605
Hàng tồn kho	359.509.202.139
Chi phí trả trước dài hạn	1.784.614.497
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	144.258.003
Tài sản cố định hữu hình	22.478.269.063
Phải thu dài hạn khác	21.808.962.911

Nợ phải trả

Phải trả người bán ngắn hạn	(826.432.894.273)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(1.526.175.603)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(7.236.565.004)

Tài sản thuần	13.417.230.155
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-
Tài sản thuần của Tập đoàn	13.417.230.155
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	85%
Tài sản thuần chuyển nhượng	11.404.645.632

Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại các công ty con như sau:

Giá chuyển nhượng	9.029.550.000
Tài sản thuần chuyển nhượng	(11.404.645.632)
Chênh lệch tỷ giá tăng vốn chủ sở hữu	1.674.157.593

Lãi/(Lỗ) thoái vốn	(700.938.039)
--------------------	---------------

Tiền thu (chi) thuần từ việc thoái vốn tại các công ty con:

Thu bằng tiền	9.029.550.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại các công ty con tại ngày chuyển nhượng	(66.456.631.361)
Tiền thu (chi) thuần	(57.427.081.361)

6b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3	99,3	99,3	99,3
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm Công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Chưa hoạt động	100	100	100	100
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Ấp Mùa Xuân,xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Chưa hoạt động	100	-	100	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	85	85	85	85
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100	99,06	100	99,06
Octogone Holdings Pte Ltd	No.3 Raffles Place#06-01 Bharat Building, Singapore 048617	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và thực phẩm chức năng	100	100	100	100
Octogone (Guangzhou) Trading Co.,Limited	No.537 Northern Panyu Boulevard, Guangzhou City, Guangdong Province P.R. China	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và thực phẩm chức năng	100	100	100	100

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- ▶ Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- ▶ Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- ▶ Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- ▶ Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- ▶ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- ▶ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- ▶ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- ▶ Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua – bán bình quân của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- ▶ Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá mua - bán bình quân của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- ▶ Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- ▶ Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- ▶ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.
- ▶ Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:
 - Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
 - Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.
- ▶ Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.z

5. **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. **Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- ▶ Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- ▶ Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- ▶ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- ▶ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- ▶ Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- ▶ Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- ▶ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty con chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi

Các công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí đào ao, xây dựng cồn

Chi phí đào ao, xây dựng cồn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để xây dựng hệ thống cồn và ao nuôi trồng thủy sản. Chi phí đào ao, xây dựng cồn được phân bổ từ 02 năm đến 09 năm.

Chi phí gia cố ao nuôi

Chi phí gia cố ao nuôi là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để gia cố các công trình ao hồ nuôi trồng thủy sản. Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí đền bù để được thuê đất

Chi phí được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm (theo thời gian thuê đất).

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- ▶ Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- ▶ Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- ▶ Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn gồm dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn.

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

16. **Vốn chủ sở hữu**
Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- ▶ Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- ▶ Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- ▶ Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- ▶ Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- ▶ Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế

thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- ▶ Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- ▶ Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bền liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.284.062.571	5.227.149.437
Tiền gửi ngân hàng	293.808.489.719	84.010.515.126
Cộng	296.092.552.290	89.237.664.563

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (i)	1.297.729.978	-	-	-
Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long(ii)	18.250.000.000	(6.903.592.732)	-	-
Cộng	19.547.729.978	(6.903.592.732)	-	-

(i) Trong năm Tập đoàn đã bán 85% cổ phần tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ), chỉ còn nắm giữ 15% vốn công ty này.

(ii) Trong năm Tập đoàn đã mua 1.825.000 cổ phần của Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long với giá mua là 18.250.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	6.903.592.732	-
Số cuối năm	6.903.592.732	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	631.302.336	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	631.302.336	-
Phải thu các khách hàng khác	977.755.793.492	555.016.301.366
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	813.282.054.485	-
H & N	-	118.416.810.130
Maritime Products International	-	76.705.230.525
Các khách hàng khác	164.473.739.007	359.894.260.711
Cộng	978.387.095.828	555.016.301.366

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 196.437.500.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	4.500.000.000	4.500.000.000
Cá nhân có liên quan	4.500.000.000	4.500.000.000
Trả trước cho người bán	154.650.345.667	84.949.131.841
Ông Trần Văn Xuồng	14.528.132.200	15.664.600.000
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	26.174.510.000	-
Công ty TNHH thiết bị lạnh và cách nhiệt TST	21.656.811.691	-
Các nhà cung cấp khác	92.290.891.776	69.284.531.841
Cộng	159.150.345.667	89.449.131.841

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho vay cá nhân, thời hạn vay là 30 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	532.702.902	-	905.270.466	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	-	485.771.094	-
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	532.702.902	-	419.499.372	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	51.580.005.914	-	77.231.973.969	-
Tạm ứng(*)	43.660.226.847	-	43.356.508.993	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	10.287.401.389	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.919.779.067	-	23.588.063.587	-
Cộng	52.112.708.816	-	78.137.244.435	-

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 23.798.703.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.638.163.356	8.567.627.952
Trích lập dự phòng bổ sung	643.712.438	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	70.535.404
Giảm do bán công ty con	(7.136.167.668)	-
Số cuối năm	2.145.708.126	8.638.163.356

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	74.564.312.624	-	107.132. 569.320	(8.576.287.237)
Công cụ, dụng cụ	8.154.634.679	-	6.087.445.381	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	795.921.774.926	-	698.479.229.636	-
Thành phẩm	476.134.366.927	(63.986.836.719)	674.249.388.095	(46.462.232.241)
Hàng hóa	964.785.087	-	3.537.000	-
Hàng gửi đi bán	8.000.965.141	-	23.710.934.849	-
Cộng	1.363.740.839.384	(63.986.836.719)	1.509.663.104.281	(55.038.519.478)

Một số hàng hóa trong kho có giá trị ghi sổ là 196.437.500.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	55.038.519.478	57.179.357.401
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	8.948.317.241	(4.584.173.248)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	2.443.335.325
Số cuối năm	63.986.836.719	55.038.519.478

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn
9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.821.314.147	1.200.833.149
Chi phí san lấp đào ao	619.936.723	1.067.515.021
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.784.614.497
Cộng	4.441.250.870	4.052.962.667

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác vùng nuôi	37.148.030.647	39.102.190.652
Tiền thuê đất	5.018.299.213	6.872.290.002
Chi phí đền bù để được thuê đất	19.217.406.300	-
Chi phí thành lập, trước hoạt động	3.545.763.848	8.649.929.783
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	22.391.312.738	17.353.039.791
Chi phí gia cố ao nuôi	2.424.460.671	3.419.266.677
Các chi phí trả trước dài hạn khác	9.546.017.811	7.890.851.313
Cộng	99.291.291.228	83.287.568.218

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	631.258.016.031	757.879.231.871	44.723.879.716	6.646.543.590	19.856.907.159	1.460.364.578.367
Mua trong năm	2.810.104.314	60.026.697.156	13.612.357.261	1.461.887.473	-	77.911.046.204
Đầu tư XD CB hoàn thành	19.330.984.767	82.559.091.896	-	-	-	101.890.076.663
Tăng do điều chỉnh	2.210.497.396	3.216.915.023	158.157.723	18.551.899	-	5.604.122.041
Thanh lý, nhượng bán	(5.234.891.503)	(932.526.928)	(1.118.210.967)	(209.495.529)	-	(7.495.124.927)
Thoái vốn tại công ty con	(29.788.040.134)	-	(1.471.046.058)	(843.844.591)	-	(32.102.930.783)
Số cuối năm	620.586.670.871	902.749.409.018	55.905.137.675	7.073.642.842	19.856.907.159	1.606.171.767.565

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	36.044.026.231	271.699.455.739	4.413.841.402	1.578.234.041	1.596.651.181	315.332.208.594
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	161.405.678.546	356.297.995.043	13.484.210.635	4.072.705.915	9.603.739.563	544.864.329.702
Khấu hao trong năm	49.127.338.146	73.996.876.728	6.124.524.066	919.999.659	2.130.813.162	132.299.551.761
Thanh lý, nhượng bán	(2.177.273.875)	(807.651.928)	(724.357.410)	(209.495.529)	-	(3.918.778.742)
Thoái vốn tại công ty con	(7.819.358.081)	-	(980.698.151)	(824.605.488)	-	(9.624.661.720)

Số cuối năm	200.536.384.736	429.487.219.843	17.903.679.140	3.958.604.557	11.734.552.725	663.620.441.001
-------------	-----------------	-----------------	----------------	---------------	----------------	-----------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	469.852.337.485	401.581.236.828	31.239.669.081	2.573.837.675	10.253.167.596	915.500.248.665
------------	-----------------	-----------------	----------------	---------------	----------------	-----------------

Số cuối năm	420.050.286.135	473.262.189.175	38.001.458.535	3.115.038.285	8.122.354.434	942.551.326.564
-------------	-----------------	-----------------	----------------	---------------	---------------	-----------------

Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 370.645.619.035 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Số đầu năm	129.759.682.788	874.884.770	130.634.567.558
Mua trong năm	15.589.250.000	100.157.000	15.689.407.000
Phân loại lại	(274.376.177)	-	(274.376.177)
Thanh lý, nhượng bán	(9.268.105.000)	-	(9.268.105.000)
Số cuối năm	135.806.451.611	975.041.770	136.781.493.381

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.251.852.100	540.229.790	1.792.081.890
---------------------------------------	---------------	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	9.529.599.836	656.076.740	10.185.676.576
Khấu hao trong năm	2.530.633.795	84.499.440	2.615.133.235
Phân loại lại	(274.376.177)	-	(274.376.177)
Thanh lý, nhượng bán	(468.997.800)	-	(468.997.800)

Số cuối năm	11.316.859.654	740.576.180	12.057.435.834
--------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	120.230.082.952	218.808.030	120.448.890.982
------------	-----------------	-------------	-----------------

Số cuối năm	124.489.591.957	234.465.590	124.724.057.547
--------------------	------------------------	--------------------	------------------------

Trong đó: Tạm thời không sử dụng	-	-	-
-------------------------------------	---	---	---

Đang chờ thanh lý	-	-	-
-------------------	---	---	---

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 47.589.316.629 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	84.118.041.065	158.679.162.947	(44.127.394.141)	(20.736.305.302)	177.933.504.569
Xây dựng cơ bản dở dang	50.134.765.535	132.628.934.630	(101.890.076.663)	(13.179.289.466)	67.694.334.036
Chi phí cho các ao nuôi cá	128.893.097	22.505.532.586	(13.832.917.850)	(980.390.362)	7.821.117.471
Công trình nhà xưởng	40.281.275.205	45.733.288.747	(84.053.582.585)	-	1.960.981.367
Công trình khác	9.724.597.233	64.390.113.297	(4.003.576.228)	(12.198.899.104)	57.912.235.198
Cộng	134.252.806.600	291.308.097.577	(146.017.470.804)	(33.915.594.768)	245.627.838.605

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 11.498.305.555 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến ác khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (lãi nội bộ). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.050.170.875	3.329.418.949
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.574.945.685)	720.751.926
Số cuối năm	475.225.190	4.050.170.875

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (năm trước thuế suất là 22%).

13b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của các công ty con như sau:

Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	50.621.471.484
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	19.892.692.006
Cộng	70.514.163.490

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14.	Lợi thế thương mại			
	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại	
	Số đầu năm	94.477.274.225	3.936.553.093	90.540.721.132
	Phân bổ trong năm		9.447.727.423	
	Số cuối năm	94.477.274.225	13.384.280.516	81.092.993.709

15.	Phải trả người bán ngắn hạn			
		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Phải trả các bên liên quan	-	276.588	
	Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	-	276.588	
	Phải trả các nhà cung cấp khác	198.967.217.140	245.559.880.689	
	Ông Trần Minh Triết	38.386.331.070	-	
	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	14.380.004.380	8.443.429.350	
	Các nhà cung cấp khác	146.200.881.690	237.116.451.339	
	Cộng	198.967.217.140	245.560.157.277	

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Các khách hàng trong nước	3.532.558.777	5.597.524.505	
	Các khách hàng nước ngoài	7.437.145.952	2.661.753.048	
	Cộng	10.969.704.729	8.259.277.553	

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thoái vốn tại công ty con	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	54.390.214	10.480.863.326	(10.618.069.464)	-	-	191.596.352
Thuế xuất, nhập khẩu	-	520.832.185	2.355.861.373	(2.609.265.655)	-	-	774.236.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.010.708.899	-	59.566.183.722	(39.429.345.543)	144.258.003	32.291.805.081	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.385.042.024	-	12.244.148.348	(9.040.068.760)	-	4.589.121.612	-
Thuế nhà đất	-	-	3.329.685.513	(3.329.685.513)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	469.924.407	(469.939.099)	-	-	14.692
Cộng	13.395.750.923	575.222.399	88.446.666.689	(65.496.374.034)	144.258.003	36.880.926.693	965.847.511

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu 0%
- Lương thực 5%
- Các loại sản phẩm, dịch vụ còn lại 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**
- Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:
- ▶ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000117 ngày 27 tháng 8 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sấy, bóc vỏ lúa, sản xuất gạo đỏ và lau bóng gạo xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.
 - ▶ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000127 ngày 14 tháng 3 năm 2013 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 30 tháng 5 năm 2013 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được ưu đãi thuế, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.
 - ▶ Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất ưu đãi 15% (thay cho 20% trước đây) đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản từ năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	386.668.353.931	587.062.065.970
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	(38.758.510.416)	205.814.969.144
- Lỗ trong năm của các công ty con	31.304.435.607	21.611.192.508
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	16.642.567.744	6.267.183.048
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(525.930.123)	(6.546.614.790)
Thu nhập chịu thuế	395.330.916.743	814.208.795.880
Thu nhập được miễn thuế	-	(192.350.120.000)
Thu nhập tính thuế	395.330.916.743	621.858.675.880
Trong đó:		
- Thu nhập phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	497.294.776.245
- Thu nhập phải nộp theo thuế suất ưu đãi 20%	-	33.497.622.235
- Thu nhập phải nộp theo thuế suất ưu đãi 15%	395.157.604.718	65.922.584.896
- Thu nhập phải nộp theo thuế nước ngoài	-	25.143.692.504
- Thu nhập hoạt động chuyển nhượng bất động sản phải nộp theo thuế khoán	173.312.025	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	59.273.640.708	125.992.762.955
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chuyển nhượng bất động sản chịu thuế khoán	292.543.014	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con chịu thuế tại nước ngoài		3.250.385.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(4.944.193.867)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	76.750.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	59.566.183.722	124.375.704.473

Thuế nhà đất
Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác
Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động
Tiền lương phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	994.438.859	71.905.453
Chi phí vận chuyển	-	3.154.890.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.793.062.469	15.485.904.429
Cộng	8.787.501.328	18.864.046.674

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.460.986.800	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	4.460.986.800	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	25.784.364.661	37.704.805.919
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	85.492.750	52.953.825
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.698.871.911	37.651.852.094
Cộng	30.245.351.461	37.704.805.919

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.329.672.541.156	2.035.705.398.842
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (i)	5.100.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (ii)	525.373.392.031	347.756.277.859
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (iii)	749.165.778.170	1.528.475.299.894
Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	28.083.370.955	159.473.821.089
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	21.950.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	4.000.000.000	-
Cộng	1.333.672.541.156	2.035.705.398.842

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định tại phân xưởng bột, mỡ cá (xem thuyết minh V.10 và V.11).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.8).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.10)
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.035.705.398.842	8.392.617.048.532	-	(9.098.649.906.218)	1.329.672.541.156
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	5.346.765.919	(1.346.765.919)	4.000.000.000
Cộng	2.035.705.398.842	8.392.617.048.532	5.346.765.919	(9.099.996.672.137)	1.333.672.541.156

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để:

- Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án mở rộng xưởng chế biến bột cá, mỡ cá. Lãi suất cho vay trong hai năm đầu kể từ ngày giải ngân bằng trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ, thời gian còn lại bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ do bên cho vay công bố + biên độ cố định 02%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay nói trên. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án.

- Thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

- Thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, gelatin từ da cá tra. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + margin, nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, gelatin từ da cá tra.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy sản Vạn đức Tiền Giang – giai đoạn 2 với lãi suất trong 2 năm đầu là 06%/năm, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc được trả làm 34 kỳ theo lịch trả nợ (lịch trả nợ được ký vào ngày kết thúc thời gian ân hạn hoặc ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất đặt tại dự án.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	4.000.000.000	-
Trên 01 năm đến 05 năm	117.296.675.826	31.773.382.959
Trên 05 năm	321.188.575.727	31.773.382.960
Cộng	442.485.251.553	63.546.765.919

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	63.546.765.919	84.116.433.338
Số tiền vay phát sinh	380.285.251.553	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	44.088.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(64.657.667.419)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(5.346.765.919)	-
Số cuối năm	438.485.251.553	63.546.765.919

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ Trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	56.492.605.526	20.012.814.000	(24.238.118.000)	52.267.301.526
Quỹ phúc lợi	855.238.018	-	(855.238.018)	-
Cộng	57.347.843.544	20.012.814.000	(25.093.356.018)	52.267.301.526

24.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.757.146.557	7.263.528.398
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.694.538.255	493.618.159
Số cuối năm	10.451.684.812	7.757.146.557

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 22%).
25.

Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

25b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.
- 25c.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 20.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08 tháng 5 năm 2015 và công ty con trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 12.814.000 VND.

Ngoài ra Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền là 92.403.943.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 6 năm 2015.
- 25d.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang VND.

26.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.843.744.960	88.388.522.761
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.725.595.908)	23.761.433.684
Tăng vốn cổ đông không kiểm soát	-	72.950.040.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	-	(75.099.920.000)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(93.156.331.485)
Giảm do mua lại vốn cổ đông không kiểm soát	(2.746.363.650)	-
Số cuối năm	12.371.785.402	16.843.744.960
27.

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

27a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	4.827.472.224	3.143.604.198
Trên 01 năm đến 05 năm	21.780.033.026	27.223.608.010
Trên 05 năm	49.104.710.975	50.430.203.473
Cộng	75.712.216.225	80.797.415.681
- 27b.

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	12.814.557,33	3.547.063,25
Euro (EUR)	6.750,13	638,17
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	184.080,02	3.436,00
Yên Nhật (JPY)	32.887,00	-
Dollar Singapore (SGD)	2.813,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	251.507.250.406	365.747.325.591
Doanh thu bán thành phẩm	5.285.034.679.557	5.148.221.274.877
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.663.808.458	16.128.762.893
Doanh thu bán nguyên vật liệu	54.498.426.502	66.859.297.803
Doanh thu bán phụ phẩm	934.816.938.706	703.157.928.629
Cộng	6.527.521.103.629	6.300.114.589.793

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	565.292.363	13.462.299.658
Doanh thu cung cấp dịch vụ	488.104.750	10.741.145.059

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	16.297.639.677	6.059.737.473
Giảm giá hàng bán	17.833.262.466	1.606.217.771
Cộng	34.130.902.143	7.665.955.244

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	223.593.381.403	333.031.291.128
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.448.675.132.554	4.433.474.538.996
Giá vốn của nguyên vật liệu	56.971.297.572	62.149.234.407
Giá vốn của phế phẩm	952.627.414.022	645.102.293.286
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.948.317.241	(4.584.173.248)
Cộng	5.690.815.542.792	5.469.173.184.569

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	43.843.046.445	16.706.211.119
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	191.364.306	446.008.160
Lãi tiền cho vay	54.663.270	616.136.452
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	7.078.813.830	7.010.270.391
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.411.234.091
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	114.539.745.194	29.157.137.553
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	542.578.396	97.657.512
Lãi thoái vốn tại công ty con	-	182.753.138.010
Cộng	166.250.211.441	238.197.793.288

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.841.457.042	38.437.879.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	160.561.232.714	21.528.932.568
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.030.950.554	4.737.088.594
Lỗ thoái vốn tại công ty con	700.938.039	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	6.903.592.732	-
Cộng	210.038.171.081	64.703.900.365

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.236.883.348	8.495.400.413
Chi phí dụng cụ, đồ dung, vật liệu, bao bì	1.021.451.721	7.964.036.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.484.006	191.265.502
Chi phí vận chuyển	137.497.332.073	149.218.703.294
Các chi phí khác	99.670.167.835	79.271.549.429
Cộng	252.576.318.983	245.140.954.972

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	41.750.457.641	43.049.224.344
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.237.987.600	3.228.838.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.680.405.104	12.111.824.974
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	9.447.727.423	3.936.553.093
Thuế, phí và lệ phí	780.881.181	4.892.102.070
Các chi phí khác	32.646.012.024	94.426.335.117
Cộng	117.543.470.973	161.644.877.846

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	618.151.477	1.951.600.693
Các khoản nợ không phải trả	309.529.535	60.195.099
Thu nhập khác	3.333.026.278	3.429.322.517
Cộng	4.260.707.290	5.441.118.309

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.965.782.936	493.618.159
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.050.170.875	3.329.418.949
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(475.225.190)	(4.050.170.875)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(271.244.681)	-
Cộng	6.269.483.940	(227.133.767)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	322.558.282.17	439.152.061.580
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	302.558.282.177	419.152.061.580
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	92.403.943	91.371.686
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.274	4.587

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.806 VND xuống còn 4.587 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công ty trong Tập đoàn có các giao dịch không bằng tiền và các giao dịch liên quan đến tài sản cố định, đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	7.479.595.246	28.068.215.680
Trả trước mua tài sản cố định	23.630.145.530	35.701.556.885
Tăng vốn bằng cổ tức	-	309.990.300.000
Trả trước mua cổ phiếu	26.174.510.000	-
Điều chỉnh vốn hóa tài sản cố định năm trước	6.722.883.331	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về mua nguyên vật liệu với các cá nhân có liên quan với số tiền là 36.632.856.180 VND (năm trước là 15.924.292.360 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 21.265.967.000 VND (năm trước là 9.766.712.092 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác
Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức là công ty do người có liên quan với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tham gia góp vốn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, dịch vụ	606.204.153	6.194.531.225
Phí dịch vụ	544.962.949	348.646.250
Bán tài sản cố định	450.000.000	-
Mua tài sản cố định	-	6.194.531.225

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.15 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý
Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	5.417.453.432.505	4.725.922.724.452
Trong nước	1.075.936.768.981	1.566.525.910.097
Cộng	6.493.390.201.486	6.292.448.634.549

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh
Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

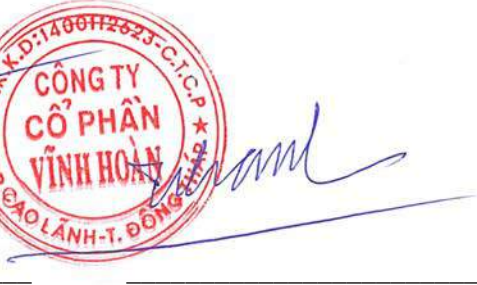
- 3. Số liệu so sánh**

3a. Áp dụng Chế độ kế toán mới
Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.
- 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới**
Việc áp dụng Chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.
- 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2016


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	4.233.565.274	696.016.171.067	1.467.893.650.986
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	309.990.300.000	-	-	-	(309.990.300.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	25.917.744.645	36.897.215.355	-	-	62.814.960.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	439.152.061.580	439.152.061.580
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	362.849.624	-	362.849.624
Số dư cuối năm trước	924.039.430.000	216.409.744.645	-	4.596.414.898	724.868.688.147	1.869.914.277.690
Số dư đầu năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	4.596.414.898	724.868.688.147	1.869.914.277.690
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	322.558.282.177	322.558.282.177
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(20.012.814.000)	(20.012.814.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(92.403.943.000)	(92.403.943.000)
Kết chuyển lãi thoái vốn Công ty con thành đầu tư khác đã ghi nhận các năm trước	-	-	-	-	(419.414.970)	(419.414.970)
Kết chuyển chênh lệch giá mua và tài sản thuần khi đầu tư thêm vốn Công ty con	-	-	-	-	(636.247.753)	(636.247.753)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	97.965.256	-	97.965.256
Giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do thoái vốn công ty con	-	-	-	(4.596.414.898)	2.455.836.227	(2.140.578.671)
Số dư cuối năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	97.965.256	936.410.386.828	2.076.957.526.729

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2016


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Trụ sở : Quốc lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84.67) 3 891 166 - Số fax : (84.67) 3 891 062

Chi nhánh : Lầu 8, Toà nhà TKT 569 - 571 - 573 Trần Hưng Đạo, P. Cầu
Kho, Q.1, TP. HCM

Điện thoại : (84.8) 3836 4849 - (84.8) 3836 5058 - Số fax : (84.8) 3836
5090

Email : vh@vinhhoan.com.vn

Website: www.vinhhoan.vn